

báo gì, mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần?"

"Này Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: 'Đó là ba nghiệp quả, là ba nghiệp báo, khiến Ta ngày nay có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần: một là bồ thí, hai là điều phục, ba là thủ hộ'."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Quán sát phước báo này,
Diệu thiện, nhiều ích lợi.
Tỳ-kheo, Ta quá khứ
Bảy năm tu từ tâm;
Bảy kiếp thành, kiếp hoại,
Không tái sanh cõi này.
Lúc thế gian hủy hoại,
Ta sanh trời Hoảng dục.
Lúc thế gian chuyển thành,
Ta sanh vào Phạm thiên;
Ở đó, Ta Đại phạm.
Nghìn sanh, Tự Tại thiên;
Ba sáu lần Đế Thích;
Vô lượng trăm Đảnh vương.
Sát-lợi Đảnh Sanh vương,
Tối tôn trong loài người¹³.
Đúng pháp, không dao gậy,
Thống trị cả thiên hạ.
Đúng pháp, không đối trả¹⁴
Chánh an lạc, dạy dân.
Đúng pháp, lần lượt truyền,
Khắp tất cả cõi đất.
Chỗ giàu sang, nhiều của,
Sanh vào chủng tộc ấy;*

^{13.} Pāli: Muddhābhisitto khattiyo manussādhipati, làm vua Đảnh Sanh, thuộc dòng Sát-lợi, là bậc Nhân chủ.

^{14.} Như pháp bất gia uổng 如 法 不 加 抠。 Pāli: asāhasena dhammena, đúng theo pháp chứ không cưỡng chế.

*Lúa gạo thảy tràn đầy'
Thánh tựu bảy trân bảo.
Do các phước lớn ấy,
Chỗ sanh đều tự tại.
Chư Phật ngự thế gian,
Những điều Phật ấy dạy;
Biết điều này kỳ diệu,
Thấy thần thông không ít.
Ai biết mà không tin,
Như vậy sanh trong tối.
Vì vậy hãy vì mình
Mong cầu đại phước hựu.
Hãy cung kính Chánh pháp;
Thường niệm Pháp luật Phật.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới thành tựu giới hãy thường xuyên đi đến một nghĩa địa² mà quán sát các tướng trạng tử thi: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rửa nát, tướng bị thú ăn, tướng bộ xương khô. Vì ấy sau khi ghi nhận kỹ những tướng trạng tử thi này rồi trở về trụ xứ của mình, rửa sạch tay chân, trải ni-sư-đàn trên giường, ngồi kiết già và suy niệm về các tướng trạng này: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rửa nát, tướng bị thú ăn, tướng những đốt xương dính liền. Vì sao vậy? Nếu Tỳ-kheo tu tập bằng các tướng trạng này sẽ đoạn trừ nhanh chóng những bệnh tham dục, sân nhuế trong tâm.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài tụng này:

*Những niên thiếu Tỳ-kheo,
Chưa đạt thành niêm trụ³
Hãy đến bãi tha ma
Để trừ đậm dục ý.
Để tâm không hận thù,
Thương yêu cả chúng sanh,
Tràn đầy khắp mọi phương.
Hãy quán sát thân thể,*

¹. Tham chiếu Sn.(1.11) Vijiya-sutta và đối chiếu kinh số 98 trên.

². Tức chỉ đạo 息 止 道。 Pāli: Sīvathikā.

³. Nguyên Hán: ý chỉ 意 止。 Pāli: satipaṭṭhāna.

Quán sát tướng xám xanh
 Và rữa nát, hư hoại;
 Quán sâu, qua rỉa thân,
 Xương phơi bày từng đốt.
 Tu tập những tướng này,
 Rồi trở về trụ xứ,
 Gội rửa sạch chân tay,
 Trải giường ngồi ngay thẳng;
 Hãy quán sát như chân,
 Trong thân và ngoài thân,
 Chứa đầy đại tiểu tiện;
 Tim, thận, gan và phổi,
 Nếu khi đi trì bình⁴
 Đến nơi thôn ấp người,
 Như tướng mang giáp trụ,
 Hãy chánh niệm trước mắt.
 Nếu thấy sắc khả ái
 Tinh sạch, liên hệ dục;
 Thấy vậy quán như chân,
 Chánh niệm pháp luật Phật.
 Trong đây không xương, gan,
 Không thịt, cũng không máu;
 Không thận, tim, gan, phổi;
 Không đàm, dãi, não, óc,
 Địa đại thảy đều không;
 Thủy đại cũng bất thực;
 Hỏa đại cũng là không;
 Phong đại cũng chẳng thực.
 Nếu có cảm thọ nào,
 Tinh sạch liên hệ dục,
 Tất cả đều lắng tĩnh;
 Quán sát bằng thật tuệ.
 Như vậy tinh cần hành.

⁴. Phân vê 分 衛, phiên âm. Pāli: piṇḍapāta.

*Thường niệm bất tịnh tưởng;
Đoạn trừ đâm, nộ, si,
Vô minh cũng dứt tuyệt;
Hung khởi thanh tịnh minh,
Tỳ-kheo vượt khổ tế.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



140. KINH CHÍ BIÊN¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong sự nuôi sống, thấp kém nhất, cùng biên nhát, đó là đi khất thực. Thế gian rất húy kỵ, gọi là “đầu trọc, tay ôm bình bát bước đi.” Nhưng thiện nam tử ấy vì mục đích mà chấp nhận. Lý do vì sao? Vì nhảm躁, ghê sợ sự sanh, già, bệnh, chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, áo nǎo; hoặc để đạt đến biên tế của toàn vẹn khôi lõn đau khổ này. Các ngươi há không phải với tâm như vậy mà xuất gia học đạo chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Thật sự như vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Người ngu si kia, với tâm như vậy mà xuất gia học đạo, nhưng lại sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, sự ô trước quần chật lấy tâm, ganh ghét, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không phát triển rộng lớn.

“Cũng như người dùng mực để giặt những đồ bị mực dính dơ; lấy máu rửa máu, lấy dơ chùi dơ, lấy bẩn trừ bẩn, lấy phân trừ phân, chỉ tăng thêm ô uế mà thôi; bỏ chỗ mờ mịt để vào chỗ mờ mịt, bỏ chỗ tối

¹. Tham chiếu Pāli, It. 91. Jivita; S. 22. 80 Piilo. Tham chiếu Hán, No.765 (2.32) Bản Sư Kinh, phẩm 2 kinh 32.

tăm để vào chỗ tối tăm. Ta nói người ngu si kia giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là nó sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, sự ô trược quấn chặt lấy tâm, ganh ghét, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không phát triển rộng lớn.

“Cũng như đống tro tàn giữa những que củi tàn thiêu xác người trong rừng vắng. Núi rừng không cần đến nó, thôn ấp cũng không dùng đến nó. Ta nói người ngu si giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là nó sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, sự ô trược quấn chặt lấy tâm, ganh ghét, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không phát triển rộng lớn.”

Rồi Thế Tôn nói bài tụng:

*Người ngu muội hỏng đời dục lạc,
Và hư luôn mục đích Sa-môn.
Đạo và tục cả hai đều mất,
Như tro tàn theo ngọn lửa tàn.
Như thế giữa khu rừng hoang vắng,
Xác người thiêu còn lại tro tàn;
Dù thôn ấp, núi rừng, vô dụng;
Người tham mê dục vọng không hơn.
Đạo và tục cả hai đều mất,
Như tro tàn theo ngọn lửa tàn.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



141. KINH DỰ¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vê, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đế nhất.

“Cũng như làm ruộng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới làm được ruộng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đế nhất.

“Cũng như hạt giống, các loại hạt giống², các loại thảo mộc³, trăm giống lúa, cây thuốc được phát sanh, trưởng dưỡng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới được sanh trưởng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu.

1. Tham chiếu Pāli S.3.2(7-8) Appamāda-sutta; S.45.140.148. Padam. Tham chiếu Hán No.99 (1239), 100 (66), No.765 (1.12) Bản Sự Kinh, Huyền Tráng dịch.

2. Chủng tử thôn 種 子 村。Pāli: bijagāma, loại hạt giống; chỉ các thực vật thuộc nhóm gieo hạt.

3. Nguyên Hán: quỷ thần thôn 鬼 神 村。Pāli: bhūta-gāma, chỉ các loại cây trống, đối lập với chủng tử thôn, xem cht. trên.

Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như trong các cǎn hương⁴, trầm hương⁵ là tối đệ nhất. Cũng như trong các thọ hương⁶, xích chiên-dàn⁷ là tối đệ nhất. Cũng như trong các hoa dưới nước, hoa sen xanh là tối đệ nhất. Cũng như trong các hoa trên đất, hoa Tu-ma-na⁸ là tối đệ nhất. Cũng như trong các dấu chân của loài thú, thì tất cả đều nhập vào trong dấu chân voi; dấu chân voi gồm chứa hết là bậc nhất; dấu chân voi ấy là tối đệ nhất, vì rất rộng, rất lớn. Cũng như thế, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như trong các loài thú, Sư tử vương là tối đệ nhất. Ví như khi các trận cùng đấu chiến nhau thì yếu thệ⁹ là thứ nhất. Cũng như các đòn tay của lầu gác, tất cả đều y cứ trên đòn dông¹⁰, thiết lập trên dông, được duy trì bởi đòn dông, đòn dông là bậc nhất vì duy trì tất cả. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như trong các ngọn núi, Tu-di sơn vương là bậc nhất. Cũng như trong các dòng suối, biển lớn thu nhập nước, biển lớn là bậc nhất. Cũng như trong các loại đại thân¹¹, A-tu-la vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại chiêm thị¹², Ma vương là thứ nhất. Cũng như

⁴. Cǎn hương 根 香 ; hương liệu lấy từ rễ cây.

⁵. Trầm hương 沉 香 ; trong bản Pāli: kālānuṣāriya, hương chiên-dàn đen.

⁶. Thọ hương 樹 香 ; hương liệu lấy từ thân cây.

⁷. Xích chiên-dàn 赤 梅 檀 ; Pāli: lohita-candana, chiên-dàn đỏ.

⁸. Tu-ma-na hoa 須 摩 那 華 ; Pāli: sumana, duyệt ý hoa.

⁹. Yếu thệ 要 誓 , No.100 (66) nói: ai xông lên trước là bậc nhất.

¹⁰. Thừa duyên lương 承 楊 梁 , đòn dông. Pāli: gopānasī. No.100 (66): trong tất cả lầu các, cao-ba-na-tả (gopānasī) là tối đệ nhất.

¹¹. Đại thân 大 身 , thân hình to lớn đồ sộ.

¹². Chiêm thị 瞳 侍 ; bản Thánh: chiêm đặc 特 。 Không rõ.

trong các Tiểu vương, Chuyển luân vương là bậc nhất. Cũng như giữa các vì tinh tú trong hư không, mặt trăng là bậc nhất. Cũng như trong các loại vải lụa, lụa trắng tinh là thứ nhất. Cũng như trong các loại ánh sáng, ánh sáng của trí tuệ là thứ nhất. Cũng như trong các chúng hôi, chúng đệ tử của Như Lai là bậc nhất. Cũng như trong các pháp hữu vi và vô vi, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn là bậc nhất. Cũng như trong các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; sắc, vô sắc, có tưởng, không tưởng, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng, trong đó Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối tôn, là tối diệu.

“Cũng như do bò mà có sữa; nhân sữa có tô; nhân tô có sanh tô; nhân sanh tô có thực tô; nhân thực tô có tô tinh; tô tinh là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối, là thắng, là tôn, là diệu. Cũng như thế, trong các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng, trong đó Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối thắng, là tối tôn, là tối diệu.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Những ai mong tài vật,
 Tốt đẹp, tăng tiến nhiều,
 Khen ngợi không phóng
 Sư, vô sự, đều tở¹³.

 Những ai không phóng dật,
 Lợi nghĩa cả hai đời;
 Đời này khéo thu hoạch;
 Và đời sau thu hoạch.
 Và thu hoạch đời này
 Dũng mãnh quán các nghĩa
 Kẻ trí tất giải thoát.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹³. Sư vô sự tuệ thuyết 事無事慧說。

**PHẨM THỨ 12: PHẨM PHẠM CHÍ
(phần đầu)**

- 142. KINH VŨ THẾ
- 143. KINH THƯƠNG-CA-LA
- *144. KINH TOÁN SỐ MỤC-KIỀN-LIÊN
- 145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN
- 146. KINH TƯỢNG TÍCH DỰ
- 147. KINH VĂN ĐỨC
- 148. KINH HÀ KHỔ
- 149. KINH HÀ DỤC
- 150. KINH UẤT-SẤU-CA-LA
- 151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA

142. KINH VŨ THẾ¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, ở trong núi Thủ nham².

Bấy giờ vua nước Ma-kiệt-dà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử³ cùng với nước Bạt-kỳ⁴ thù nghịch nhau, thường ở giữa quyến thuộc nhiều lần nói rằng:

“Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần⁵, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách.”

Khi ấy, Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử, vua nước Ma-kiệt-dà nghe Đức Thế Tôn du hóa thành Vương xá, ở trong núi Thủ nham, nên nói với đại thần Vũ Thế⁶:

“Ta nghe Sa-môn Cù-đàm du hóa thành Vương xá, ở trong núi Thủ nham. Này Vũ Thế, ngươi hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, nhân

1. Bản Hán, quyển 35. Tương đương Pāli: A.7.20 Vassakāra-sutta; tham chiếu D.16 Mahāparinibbāna. Hán, biệt dịch No.125 (40.2) Tăng Nhất phẩm 40 kinh số 2; tham chiếu No.1(2) Trường A-hàm, kinh số 2 “Du Hành”; No.5 Phật Bát-nê-hoàn Kinh, Bạch Pháp Tổ dịch; No.6 Bát-nê-hoàn Kinh, khuyết danh dịch.

2. Thủ nham 鷲巖, cũng nói là Linh thủu, hay đọc âm là Kỳ-xà-quật; đindh Kēn kēn. Pāli: Gijjakūta-pabbata.

3. Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử 未生怨佛陀 提子, hoặc A-xà-thế Vi-đề-hy Tử. Pāli: Ajātasattu Vedehiputta, Ajātasattu, con trai của bà Vedehi.

4. Bạt-kỳ 跋耆。Pāli: Vajji.

5. Pāli: evam̄mahiddhike evam̄mahānubhāve, hùng mãnh như thế, uy thế như thế.

6. Vũ Thế 雨勢 hoặc đọc âm là Vũ-xá 雨 [禹] 舍。Pāli: Vassakāra, một người Bà-la-môn, Tể tướng nước Magadha.

danh ta mà thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường hay không? Rồi hãy nói như vậy, ‘Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Sa-môn Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau, thường ở giữa quyền thuộc và nhiều lần nói rằng: ‘Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách’. Bạch Sa-môn Cù-đàm, về vấn đề này Ngài dạy như thế nào?’ Nay Vũ Thế, nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy những gì thì người hãy cố gắng ghi nhớ, thọ trì. Vì sao? Bởi lẽ những người như vậy nhất định không khi nào nói sai.”

Đại thần Vũ Thế vâng lời vua dạy xong, lên một cỗ xe rất đẹp và cùng năm trăm cỗ xe khác đồng ra khỏi thành Vương xá, đi đến trong núi Thủ nham và leo lên núi Thủ nham, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Phật.

Đại thần Vũ Thế cùng với Đức Thế Tôn nói lời chào hỏi rồi ngồi sang một bên, thưa rằng:

“Thưa Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Sa-môn Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau, thường ở giữa quyền thuộc và nhiều lần nói rằng: ‘Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách’. Bạch Sa-môn Cù-đàm, về vấn đề này Ngài dạy như thế nào?”

“Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo rằng:

“Nay Vũ Thế, xưa kia Ta đã từng đi đến nước Bạt-kỳ. Nước đó có ngôi chùa tên là Giá-hòa-la⁷. Lúc ấy, này Vũ Thế, Ta giảng nói

⁷. Giá-hòa-la tự 遮 懈 羅 寺。Trong bản Pāli: Sārandada-cetiya. Chùa này theo bản Hán có lẽ là Cāpaṭa, chỗ Phật thông báo quyết định nhập Niết-bàn.

pháp không suy thoái⁸ cho người nước Bạt-kỳ nghe. Người nước Bạt-kỳ có thể vâng thọ và thực hành bảy pháp không suy thoái đó. Này Vũ Thế, nếu người dân nước Bạt-kỳ thực hành được bảy pháp không suy thoái mà không trái phạm thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy vi được.”

Đại thần Vũ Thế bạch Đức Thế Tôn:

“Sa-môn Cù-dàm, về việc này chỉ nói một cách tóm tắt, chứ không phân biệt rộng rãi. Chúng con không thể hiểu được nghĩa này. Kính xin Sa-môn Cù-dàm phân biệt rộng rãi để chúng con được biết ý nghĩa này.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Vũ Thế, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói rộng rãi ý nghĩa này cho ông nghe⁹.”

Đại thần Vũ Thế vâng lời, lắng nghe.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, Đức Thế Tôn quay lại hỏi A-nan rằng:

“Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo chăng?”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo.”

Đức Thế Tôn liền bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán?”

“Bạch Đức Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán thì nước Bạt-kỳ tất thắng,

⁸. Bất suy pháp 不 衰 法。 Pāli: Aparihāniya-dhamma.

⁹. Các bản khác, Phật chỉ nói gián tiếp.

không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Ngươi có từng nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm, những điều đã thi thiết thì không cải đổi, những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành chăng?”

“Bạch Đức Thế Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm; những điều đã thi thiết thì không cải đổi; những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm; những điều đã thi thiết thì không cải đổi; những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ không ỷ thế mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác chăng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ không ỷ thế mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu người nước Bạt-kỳ không ỷ thế mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì những người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường chăng? Và họ có nghe lời dạy của những bậc ấy mà làm theo chăng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn kính thì những người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ nghe theo lời dạy của những bậc ấy mà làm theo.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Này Vũ Thế, nếu người nước Bạt-kỳ có những bậc danh đức

đáng tôn trọng thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ nghe lời dạy của những bậc ấy mà làm theo, thì nước Bạt-kỳ tất thắn, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ nếu có chùa cũ nào¹⁰ thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm chăng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ nếu có chùa cũ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu người nước Bạt-kỳ có chùa cũ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng, cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm, thì nước Bạt-kỳ tất thắn, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang chăng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu người nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy

^{10.} Cựu tự 舊 寺, ở đây nói theo No.1(2): tông miếu. Pāli: vajjīnam vajjicetiyāni, các linh miếu của người Bạt-kỳ.

thiếu thốn các nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.

“Này Vũ Thế, người nước Bạt-kỳ đã thực hành bảy pháp không suy thoái này. Nếu vâng giữ bảy pháp không suy thoái này thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Khi ấy, đại thần Vũ Thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, dù cho nước Bạt-kỳ chỉ thành tựu một pháp không suy thoái thì nước Ma-kiệt-dà là Vị Sanh Oán, con bà Bệ-đà-đề cũng không thể khuất phục họ được, huống chi họ đầy đủ cả bảy pháp không suy thoái. Bạch Cù-đàm, con nhiều việc nước, xin được từ giã lui về.”

Đức Thế Tôn nói:

“Muốn lui về xin cứ tùy ý.”

Lúc đó, đại thần Vũ Thế nghe lời Phật dạy, khéo léo ghi nhớ, đi quanh Đức Thế Tôn ba vòng rồi ra về.

Sau khi đại thần Vũ Thế ra về chẳng bao lâu, bấy giờ Đức Thế Tôn quay lại bảo Tôn giả A-nan:

“Này A-nan, nếu có những Tỳ-kheo hiện đang sống rải rác trong núi Thủ nham thì ngươi hãy truyền cho tất cả tập trung tại giảng đường. Sau khi tất cả đã tụ họp xong, hãy đến cho Ta hay.”

Tôn giả A-nan liền vâng lời Phật dạy:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn!”

Ngay khi đó, Tôn giả A-nan đi truyền lệnh:

“Những Tỳ-kheo nào hiện đang sống rải rác trong núi Thủ nham thì truyền cho tất cả hãy tập trung tại giảng đường.”

Sau khi tất cả tập họp xong, Tôn giả trở lại chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã truyền lệnh: Nếu có những Tỳ-kheo nào hiện đang sống rải rác trong núi Thủ nham thì tất cả hãy tập trung tại giảng đường. Giờ đây đã tập họp xong, kính mong Thế Tôn tự biết thời.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo rồi nói với các thầy Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái.

Các ngươi hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ.”

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu chúng Tỳ-kheo thường xuyên hội họp, tụ tập đông đảo thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo cùng chung hội, cùng chung làm việc chung và cùng giải tán thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo đối với những việc chưa thi thiết thì không thêm; những việc đã thi thiết thì không thay đổi; những giới luật do Ta nói ra được phụng hành nghiêm chỉnh; thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo không bị chi phối¹¹ bởi hữu ái đưa đến vị lai¹², hiện hành với hỷ dục, ái lạc đời sống như vậy như kia¹³, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo có bậc trưởng lão thượng tôn đồng học phạm hạnh, các Tỳ-kheo thấy đều tôn kính, cung phụng, cúng dường và nghe theo lời dạy của các vị ấy, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo đối với rừng vắng, sườn núi cao, chỗ thanh tịnh nhàn cư, vắng bặt không có tiếng động, xa lánh sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoan lạc an trụ không rời, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo thấy đều ủng hộ các vị phạm hạnh, hết sức tôn trọng, ái kính, thường mong muốn các vị phạm hạnh chưa đến thì đến, đã đến rồi thì hằng mong an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn những nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn

¹¹. Khởi bất tùy 起 不 隨。 Pāli: na vasam gacchanti.

¹². Pāli: uppannāya taṇhāya ponobhavikāya na vasam gacchanti, không bị chi phối bởi khát ái hiện hành, khát ái ấy dẫn đến đời sau.

¹³. Ái lạc bỉ bỉ hữu 愛 樂 彼 彼 有。

vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thoái này, thọ trì, không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Lúc ấy Đức Thế Tôn lại bảo các thày Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các thày hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu Tỳ-kheo đối với Tôn sư mà hết sức cung kính, cúng dường, phụng sự, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo đối với Pháp, với Tăng, với Giới, với sự không phóng dật, với sự cung cấp và đối với định¹⁴ mà hết sức cung kính thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các thày Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các thày Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu chúng Tỳ-kheo không hành nơi thế nghiệp¹⁵, không hoan lạc nơi thế nghiệp, không tập quán thế nghiệp, thì chúng Tỳ-kheo chắc

^{14.} *Pháp, chúng, giới, bất phóng dật, cung cấp, định*, cùng với *tôn sư* nói trước, là bảy để mục bất thối. So sánh bảy pháp kể trong No.1(2): 1. Kính Phật; 2. Kính Pháp; 3. Kính Tăng; 4. Kính giới luật; 5. Kính thiền định; 6. Kính thuận cha mẹ; 7. Kính pháp không buông lung.

^{15.} Bất hành ư nghiệp 不行於業。Nghiệp ở đây được hiểu là chuyện đời. Pāli: na kammāramā, na kammaratā, na kammāramataṃ anuyuttā, không thích thế nghiệp, không hoan hỷ thế nghiệp, không đam mê thế nghiệp.

chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo không hành nơi phiếm luận¹⁶, không hoan lạc nơi phiếm luận, không tập quán nơi phiếm luận; không hành nơi tụ hội, không hoan lạc nơi tụ hội, không thân cận nơi tụ hội; không hành nơi sự kết hợp hỗn tạp¹⁷, không hoan lạc nơi sự kết hợp hỗn tạp, không tập quán sự kết hợp hỗn tạp; không hành ngũ nghỉ, không hoan lạc ngũ nghỉ, không tập quán ngũ nghỉ; không vì lợi, không vì tiếng khen, không vì người khác mà tu hành phạm hạnh; đối với quả thấp, đối với quả cao không nửa chừng gián đoạn nỗ lực hướng thượng, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu Tỳ-kheo thành tựu tài sản tín, tài sản giới, tài sản tàm, tài sản quý, tài sản bác văn, tài sản thí và thành tựu tài sản tuệ, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo

“Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

¹⁶. Bất hành hoa thuyết 不 行 譚 說。 Pāli: na bhassārāmā.

¹⁷. Tập hiệp 雜 合, được hiểu là “kết hợp với ác hữu”.

“Những gì là bảy?

“Nếu Tỳ-kheo thành tựu nǎng lực tín, nǎng lực tinh tấn, nǎng lực tam, nǎng lực quý, nǎng lực niệm, nǎng lực định, và thành tựu nǎng lực tuệ, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các thày Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y trên xả ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng xuất yếu. Cũng vậy, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, y trên xả ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng xuất yếu; thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các ngươi nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các thày Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu Tỳ-kheo cần cho luật hiện tiền thì cho luật hiện tiền. Cần cho luật ức niệm thì cho luật ức niệm. Cần cho luật bất si thì cho luật bất si. Cần cho luật tự phát lồ thì ban cho luật tự phát lồ. Cần ban cho luật quân thì ban cho luật quân. Cần cho luật triển chuyển thì cho luật triển chuyển. Nếu trong chúng khởi lên sự tranh tụng thì đúng theo

pháp diệt tránh như liệng bỏ giẻ rách để chấm dứt¹⁸.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói cho các ngươi nghe về sáu pháp ủy lạo¹⁹. Các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các thày Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là sáu?

“Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng phạm hạnh. Pháp ấy gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Cũng vậy, khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa.

“Lợi lộc nào đúng theo pháp mà được, cho đến miếng cơm ở chính trong bình bát của mình, với phần lợi như vậy mang chia sẻ cho các vị đồng phạm hạnh. Pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Nếu có giới nào không bị sứt mẻ, không bị hư hỏng, không bị uế tạp, không bị đen, vững vàng như mặt đất²⁰, được Thánh khen ngợi, đầy đủ, cẩn thận thọ trì. Với giới phần như vậy, cùng chia sẻ với các vị đồng phạm hạnh. Pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

¹⁸. Bảy pháp chỉ tránh, hay diệt tránh. Xem kinh số 196 ở sau.

¹⁹. Sáu pháp hòa kính, hay lục hòa, xem kinh 196.

²⁰. Hán: *như địa bất tùy tha* 如 地 不 隨 他, trong bản Pāli: bhujissāni, người tự do, không còn làm nô lệ.

“Nếu có kiến giải của Thánh, có sự xuất yếu, có sự thấy rõ, có sự thấu triệt, đưa đến sự chân chánh diệt khổ; với kiến phần như vậy, cùng chia sẻ với các vị đồng phạm hạnh. Pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Nhân đây nên Ta nói sáu pháp ủy lạo.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



143. KINH THƯƠNG-CA-LA¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Ma-nap Thương-ca-la² sau giữa trưa, thong dong tản bộ, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Bạch Cù-dàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày.”

Thế Tôn nói:

“Ma-nap, muốn hỏi gì cứ hỏi”

Ma-nap Thương-ca-la bèn hỏi:

“Bạch Cù-dàm, Phạm chí đúng như pháp mà hành khất tài vật, tự mình trai tự³, hoặc dạy người khác trai tự. Bạch Cù-dàm, nếu tự mình trai tự hay dạy người khác trai tự, những người ấy đều hành trên vô lượng phước tích⁴, vì do noi trai tự vậy. Đệ tử của Sa-môn Cù-dàm, tùy theo dòng tộc⁵, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, tự mình chế ngự, tự mình tịch tịnh, tự mình cứu cánh tịch diệt. Như vậy, đệ tử của Sa-môn Cù-dàm, tùy theo dòng tộc, chỉ hành trên một phước tích chứ không hành trên vô lượng phước tích, do bởi sự học đạo vậy.”

¹. Tương đương Pāli A.3.60. Saṅgārava-sutta.

². Thương-ca-la Ma-nap 傷 歌 邊 摩 納。Pāli: Saṅgārava, một Bà-la-môn trẻ, hình như là bạn của Tôn giả A-nan trước khi xuất gia.

³. Hán: trai 齋; Pāli: yaññam, tế đàn.

⁴. Phước tích 福 跡。Pāli: puññapaṭipadā, con đường dẫn đến phước đức.

⁵. Hán: tùy tộc 隨 族。Đối chiếu Pāli: yassa vā tassā kulā anagāriyam pabbajito, người ấy từ bỏ dòng tộc, từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, rồi Tôn giả A-nan hỏi:

“Này Ma-nap, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Ma-nap Thương-ca-la nói:

“A-nan, đối với Sa-môn Cù-dàm và A-nan, tôi đều cung kính tôn trọng, phụng thờ.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Này Ma-nap, tôi không hỏi ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai, mà tôi chỉ hỏi ông rằng, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Tôn giả A-nan đến ba lần hỏi Ma-nap Thương-ca-la rằng:

“Này Ma-nap, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Ma-nap Thương-ca-la cũng đến ba lần nói rằng:

“A-nan, đối với Sa-môn Cù-dàm và A-nan, tôi đều cung kính, tôn trọng, phụng thờ.”

Tôn giả A-nan cũng nói lại:

“Này Ma-nap, tôi không hỏi ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai, mà tôi chỉ hỏi ông rằng, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Ma-nap Thương-ca-la này đã bị A-nan khuất phục. Ta hãy cứu nó!”

Thế Tôn biết vậy rồi, bèn hỏi:

“Này Ma-nap, hôm qua, khi vua và các quần thần triệu tập đại hội, thảo luận những gì? Vì những duyên cớ nào mà cùng tập hội?”

Ma-nap Thương-ca-la đáp:

“Ngày hôm qua, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này, là ‘Do nhân gì, duyên gì mà xưa kia Sa-môn Cù-dàm thiết lập học giới ít, nhưng các Tỳ-kheo đắc đạo nhiều; và do nhân gì, duyên gì mà ngày nay khi Sa-môn Cù-dàm thiết lập học giới nhiều thì các Tỳ-kheo đắc đạo lại ít?’ Bạch Cù-dàm, ngày hôm qua, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề

⁶. Cũng như kinh số 194 ở sau.

này. Do sự kiện này mà triệu tập đại hội.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói rằng:

“Ma-nap, bấy giờ Ta hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý ngươi nghĩ sao? Giả sử có một Sa-môn, Phạm chí tự hành đạo như vậy, tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Vị ấy sau đó thuyết giảng cho người khác rằng: ‘Ta tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Các người hãy đến đây và cũng hãy tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác. tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Rồi người này cũng tự hành đạo như vậy, tích như vậy. Sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Rồi người này lại cũng thuyết giảng cho người khác nữa. Cứ như vậy lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng.

“Này Ma-nap, ý ngươi nghĩ sao? Đệ tử của Ta, tùy theo dòng tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, chỉ hành trên một phước tích, không hành trên vô lượng phước tích, có phải là do bởi sự học đạo chăng?”

Ma-nap Thương-ca-la đáp:

“Bạch Cù-đàm, theo sự hiểu biết của con đối với điều mà Sa-môn Cù-đàm nói, thì đệ tử Sa-môn Cù-đàm ấy, tùy theo dòng tộc, cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, thật sự hành trên vô lượng phước tích, chứ không chỉ hành trên một phước

tích do bởi sự học đạo.”

Thế Tôn lại nói với Thương-ca-la:

“Có ba thị hiện⁷ là, như ý túc thị hiện, chiêm niệm thị hiện, giáo huấn thị hiện⁸.

“Ở đây, nếu có một Sa-môn, Phạm chí có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần, đối với như ý túc, tâm được tự tại, hành vô lượng công đức của như ý túc như vậy; nghĩa là phân một làm thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy⁹; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liêng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nấm, thân cao đến trời Phạm thiên. Này Ma-nạp, đó là thị hiện bằng như ý túc.

“Này Ma-nạp, thế nào là chiêm niệm thị hiện? Hoặc có một Sa-môn, Phạm chí do nơi tướng trạng của người khác mà chiêm đoán được ý tưởng của họ, rằng ‘Nó có ý nghĩ như thế này, nó có ý nghĩ như thế kia, nó thật sự có ý nghĩ’; vô lượng chiêm đoán thì không ít chiêm đoán, nhưng tất cả thấy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thiết viễn vông. Hoặc giả không do nơi tướng trạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, nhưng do nghe tiếng của chư Thiên và loài phi nhân mà đoán biết được ý tưởng của người khác rằng ‘Nó có ý nghĩ như thế này, nó có ý nghĩ như thế kia, thật sự nó có ý nghĩ như vậy’ vô lượng chiêm đoán, không ít chiêm đoán, nhưng tất cả thấy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thiết viễn vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và các loài phi nhân, nhưng do tâm niệm của người khác, tâm tư của người khác, ngôn thuyết của người khác. Sau

⁷. Tam thị hiện 三 示 現 , ở đây “thị đạo”, chỉ ba loại thần thông hay phép lạ; xem theo Tập Dị 6 (No.1536, tr.389 b): thần biến thị đạo, ký tâm thị đạo, giáo giới thị đạo. Pāli: Tini pātihāriyānā: iddhi, ādesanā, anusāsanā.

⁸. Xem cht.1 trên.

⁹. Hán: nhất tắc trụ nhất, hữu tri hữu kiến 一 則 住 一 有 知 有 見 。 Nghĩa không rõ. Tập Dị (nt): hoặc ẩn hoặc hiện. Pāli: āvibhāvam tirobhāvam.

khi nghe tiếng rồi đoán biết được ý tưởng của người khác rằng ‘Nó có ý tưởng như thế này, nó có ý tưởng như thế kia, nó thật sự có ý tưởng như vậy’ vô lương chiêm nghiệm đoán, không ít chiêm đoán, nhưng tất cả thảy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thuyết viễn vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và loài phi nhân để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không do nơi tâm niệm của người khác, nhưng do nơi tâm tư, nơi ngôn thuyết của người khác để sau khi nghe rồi, đoán biết ý tưởng của người khác, nhưng do thấy người khác nhập vào định không giác không quán¹⁰, sau khi thấy bèn nghĩ rằng ‘Như Hiền giả này thì không có niệm, không có tư, sở nguyện như ý. Hiền giả kia ra khỏi định này với niệm như vậy. Vì ấy ra khỏi định này sẽ có tâm niệm như vậy, như vậy’. Người này cũng đoán biết việc quá khứ, cũng đoán biết việc tương lai, cũng đoán biết việc hiện tại, những điều được làm từ lâu, những điều được nói từ lâu, cũng đoán biết những nơi yên tĩnh, sống nơi yên tĩnh, cũng đoán biết tất cả pháp tâm và tâm sở hữu. Đó gọi là thiện bằng sự chiêm niệm.

“Này Ma-nap, thế nào là giáo huấn thị hiện? Ở đây có một Sa-môn, Phạm chí tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Rồi vị ấy giảng thuyết lại cho người khác rằng ‘Ta tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Rồi người đó cũng tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Rồi người đó cũng lại thuyết giảng cho người khác.

¹⁰. Chỉ các bậc từ Nhị thiền trở lên, trong đó không có tâm sở tâm (Pāli: vitakka) và tứ (Pāli: vicara).

Cứ như vậy... lần lượt truyền đi cho đến vô lượng trăm ngàn. Này Ma-nạp, đó gọi là sự thị hiện bằng giáo huấn.

“Trong ba thị hiện này, thị hiện nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Thương-ca-la Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Phạm chí nào có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến, thân cao đến trời Phạm thiên, thưa Cù-đàm, cái đó là tự mình làm tự mình có, tự mình thọ lãnh quả báo. Thưa Cù-đàm, trong các thị hiện, sự thị hiện này được gọi là đại pháp¹¹”.

“Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Phạm chí nào do nơi tướng dạng mà đoán biết ý tưởng của người khác, cho đến các pháp tâm và tâm sở hữu, thì bạch Cù-đàm, cái đó là tự mình làm tự mình có, tự mình thọ lãnh quả báo. Thưa Cù-đàm, trong các thị hiện, sự thị hiện này được gọi là đại pháp.

“Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Phạm chí nào tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Rồi vị ấy thuyết giảng cho người khác nữa. Cứ như vậy lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng, thì bạch Cù-đàm, trong ba thị hiện, sự thị hiện này là tối thượng, tối diệu, tối thắng.”

Thế Tôn lại hỏi Thương-ca-la Ma-nạp:

“Trong ba thị hiện, người tán thán sự thị hiện nào?”

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

“Trong ba thị hiện, con tán thán Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, cho đến thân cao ngang Phạm thiên. Sa-môn Cù-đàm do nơi tướng dạng của người khác mà biết ý tưởng của người khác, cho đến đoán biết các tâm và tâm sở hữu pháp. Sa-môn Cù-đàm thi đạo với đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo

¹¹. Đại pháp 大 法: Pāli: māyāsaha-dhammarūpam; pháp huyền hoặc; bản Hán đọc là ma (...) hā-dhamma.

này, tích này, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Sa-môn Cù-dàm thuyết giảng cho người khác, rồi người khác thuyết giảng cho người khác nữa. Như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng. Bạch Cù-dàm, cho nên, đối với ba thị hiện, con tán thán Sa-môn Cù-dàm.”

Rồi Thế Tôn nói rằng:

“Ma-nạp, người khéo thấu suốt vấn đề này. Vì sao? Thật sự Ta có đại như ý túc, đại oai thần, đại phước hưu, đại oai thần, đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến, thân cao ngang Phạm thiên. Nay Ma-nạp, Ta do tướng dạng người khác mà biết được ý tưởng của người khác, cho đến đoán biết tâm và tâm sở hữu pháp.

“Này Ma-nạp, Ta tự hành đạo như vậy, tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Rồi Ta giảng thuyết cho người khác, người khác cũng giảng thuyết cho người khác nữa. Như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng.

“Này Ma-nạp, cho nên người khéo thấu suốt vấn đề này. Người hãy biết như vậy, hãy khéo thọ trì như vậy. Vì sao? Bởi vì ý nghĩa được nói này phải như vậy.”

Lúc bấy giờ, Thương-ca-la Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời tự quy y cho đến tận mạng.”

Phật thuyết như vậy. Thương-ca-la Ma-nạp, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



144. KINH TOÁN SỐ MỤC-KIỀN-LIÊN¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Toán số Mục-kiền-liên² sau bữa trưa, thong dong tản bộ đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho mới dám trình bày”. Thế Tôn nói:

“Mục-kiền-liên, ông muốn hỏi gì cứ tự tiện, đừng tự nghi ngại.”

Toán số Mục-kiền-liên bèn bạch rằng:

“Thưa Cù-đàm, giảng đường Lộc tử mẫu này được xây dựng dần dần cho đến cuối cùng được thành tựu. Thưa Cù-đàm, cầu thang trong Lộc tử mẫu giảng đường này, bắt đầu lên một nấc, rồi đến hai, ba, bốn. Thưa Cù-đàm, như vậy giảng đường Lộc tử mẫu lần lượt theo thứ tự đi lên. Thưa Cù-đàm, sự điều phục voi này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi móc câu vậy. Thưa Cù-đàm, sự điều phục ngựa này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi hàm vậy. Thưa Cù-đàm, Sát-đế-lợi này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi cung và tên vậy. Thưa Cù-đàm, các Phạm chí này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi kinh thư vậy.

“Thưa Cù-đàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu

¹. Tương đương Pāli, M.107. Gaṇaka-Moggallāna-sutta. Biệt dịch, No.70. Phật Thuyết Số Kinh, Tây Tấn, Pháp Cự dịch.

². Toán số Mục-kiền-liên 算 數 目 鍵 連。Pāli: Gaṇaka-Moggallāna, có thể là một nhà toán học.

sinh, cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu. Nếu có đệ tử nam hoặc nữ bắt đầu được dạy từng con số một, rồi hai, ba, mười, trăm, ngàn, vạn..., thứ tự mà đếm lên. Thưa Cù-đàm, như vậy chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh, lần lượt theo thứ tự cho đến thành tựu. Sa-môn Cù-đàm, trong pháp luật này, lần lượt thứ tự như thế nào cho đến thành tựu?"

Thế Tôn nói:

"Này Kiền-liên, nếu có sự lần lượt thứ tự thực hiện cho đến thành tựu nào được nói đến chân chánh, thì này Mục-kiền-liên, ở trong pháp luật của Ta, đây là điều được nói đến chân chánh. Vì sao vậy? Ngày Mục-kiền-liên, Ta đối với pháp luật này lần lượt thứ tự thực hiện cho đến đạt thành cứu cánh.

"Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo niêm thiếu vừa mới đến học đạo, mới vào trong pháp luật này, Như Lai trước hết dạy rằng 'Người hãy đến đây. Với thân, hãy thủ hộ mạng thanh tịnh; với miệng và ý hãy thủ hộ mạng thanh tịnh'.

"Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo với thân, thủ hộ mạng thanh tịnh; với miệng và ý thủ hộ mạng thanh tịnh rồi, Như Lai lại dạy tiến thêm rằng 'Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy quán nội thân như thân, cho đến quán thọ³, tâm và pháp như pháp'.

"Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo quán thân như thân, cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp rồi, Như Lai lại dạy tiến thêm 'Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy quán thân như thân, đừng niệm tưởng những niệm tương ứng với dục; cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp, đừng niệm tưởng những niệm tương ứng với dục'.

"Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo quán thân như thân, không niệm tưởng những niệm tương ứng với dục, cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp, không niệm tưởng những niệm tương ứng với dục, Như Lai dạy tiến thêm 'Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khép kín⁴, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ tâm mà được thành tựu, hằng khởi chánh tri. Nếu mắt thấy sắc, không chấp thủ

³. Trong bản Hán: *quán giác* 觀 覺。

⁴. *Thường niệm bế tắc* 常 念 閉 塞。

tương của sắc, không đắm nhiễm vị của sắc. Vì sự phẫn tránh⁵ mà thủ hộ các căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Vì hướng đến kia mà thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ tướng của pháp, không đắm nhiễm vị của pháp. Vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Vì thú hướng đến nơi kia mà thủ hộ nhãn căn.

“Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia⁶, nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn, thì này Mục-kiền-liên, Như Lai lại dạy thêm ‘Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy biết rõ sự ra vào, khéo quán sát phân biệt, co duỗi, cúi ngược, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ, nói năng, im lặng thảy đều biết rõ, Như Lai lại dạy thêm ‘Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy sống cô độc tại nơi xa vắng, trong rừng, trong núi hoặc dưới gốc cây, những chỗ trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc ở ngoài bãi tha ma. Sau khi ngươi đã sống trong rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, những chỗ trống vắng yên tĩnh, hãy trải ni-sư-dàn, ngồi kiết già, chánh thân

⁵. Vị phẫn tránh cõi 謂忿諍故: vì sự phẫn nộ và tranh cãi. Pāli: yatvādhikaraṇam ena..., do nguyên nhân gì mà... Trong bản Hán, adhikaraṇa, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.

⁶. Thú hướng bỉ cõi 趣向彼故: Pāli: (akusalā dhammā) anvāssaveyyam, (các pháp bất thiện) có thể khởi lên (trôi chảy vào tâm).

chánh nguyện⁷, nghiệp niệm nội tâm, đoạn trừ tham lam, tâm không nãm hại; thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác không muốn được về mình. Người đối với tham lam, hãy tịnh trừ tâm ấy. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thuy miên, trạo hối, đoạn nghi độ hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Người đối với nghi hoặc hãy tịnh trừ tâm ấy. Người đoạn trừ năm triền⁸ này, chúng làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly ác bất thiện pháp cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ’.

“Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ, thì này Mục-kiền-liên, Như Lai đã đem lại nhiều lợi ích cho Tỳ-kheo niêm thiếu, nghĩa là khéo khuyên răn, dạy dỗ, khiển trách.

“Này Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão, phạm hạnh kỳ cựu, Như Lai lại dạy tiến thêm để thành tựu cứu cánh diệt tận hết thảy lậu.”

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

“Sa-môn Cù-dàm, đối với tất cả đệ tử răn dạy như vậy, khiển trách như vậy, tất cả đều đạt đến cứu cánh trí, nhất định đến Niết-bàn chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Này Mục-kiền-liên, không phải nhất định đạt đến. Hoặc có người đạt được, hoặc có người không”.

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

“Cù-dàm, trong đó nhân duyên gì khi có Niết-bàn, có Niết-bàn đạo và Sa-môn Cù-dàm hiện tại là Đạo Sư đó, mà có Tỳ-kheo được răn dạy như vậy, được khiển trách như vậy, thì đạt đến cứu cánh Niết-bàn, nhưng một số khác lại không đạt đến?”

Thế Tôn nói:

“Này Mục-kiền-liên, Ta muốn hỏi lại ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

⁷. Chánh thân chánh nguyện 正身正願; Pāli: ujuṃ kāyam pañidhāya, ngồi thẳng lưng. Trong bản Hán, pañidhāya (sau khi đặt xuống), được hiểu là pañidhāna: ước nguyện.

⁸. Ngũ cái 五蓋。Pāli: pañca nivaraṇā.

“Này Mục-kiền-liên, ý ông nghĩ sao? Ông biết rõ thành Vương xá ở đâu, am tường các con đường đến đó chăng?”

Toán số Mục-kiền-liên đáp:

“Thật vậy, tôi biết rõ thành Vương xá ở đâu và cũng am tường các con đường đến đó.”

Thế Tôn hỏi:

“Này Mục-kiền-liên, nếu có một người muốn đi đến thành Vương xá để yết kiến vua, người ấy hỏi rằng: ‘Tôi muốn đi đến thành Vương xá để gặp vua, Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi chăng?’ Ông nói với người ấy rằng ‘Từ đây đi về phía Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy đi đến thành Vương xá. Những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết’. Người ấy sau khi nghe ông chỉ dẫn rồi, đi chưa bao lâu bèn bỏ con đường chính mà đi theo con đường lầm lẫn để trở lui lại. Những gì ngoại thành Vương xá, rừng cây xinh đẹp, đất bằng phẳng, lầu đài, ao tắm, đủ loại cây cối, bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, người ấy hoàn toàn không thấy, không biết gì hết.

“Lại có một người khác muốn đi đến thành Vương xá để yết kiến vua. Người ấy hỏi ông rằng: ‘Tôi muốn đi đến thành Vương xá để gặp vua, Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi chăng?’

Ông nói với người ấy rằng: ‘Từ đây đi về phía Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy đi đến thành Vương xá. Những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết’.

Người ấy sau khi nghe ông chỉ dẫn, bèn từ đây đi về hướng Đông, đến thôn kia, từ thôn ấy đi đến ấp kia, lần lượt như vậy cho đến thành Vương xá. Những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong đều được thấy hết, biết hết.

“Này Mục-kiền-liên, trong đó do nhân gì duyên gì, trong khi có

thành Vương xá, có con đường đến thành Vương xá và có ông hiện tại là đạo sư đó, nhưng người thứ nhất nghe lời ông chỉ dẫn, chẳng bao lâu đã bỏ con đường chánh mà đi theo con đường lầm lẫn trở lui lại, rồi những gì ở ngoài thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu dài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả người ấy đều không thấy, không biết? Còn người thứ hai khi nghe theo lời ông chỉ dẫn, từ con đường chánh lần lượt đi đến thành Vương xá, những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu dài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, thảy đều được thấy hết, được biết hết?"

Toán số Mục-kiền-liên đáp:

"Này Cù-đàm, tôi hoàn toàn vô sự. Có thành Vương xá đó, có con đường dẫn đến thành Vương xá đó, tôi chỉ làm đạo sư. Người thứ nhất không tùy theo sự chỉ dẫn của tôi, bỏ con đường chánh mà đi theo con đường lầm lẩn để trở lui lại. Những gì ở ngoài thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu dài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả người ấy đều không thấy, không biết. Người thứ hai khi nghe theo lời tôi chỉ dẫn, từ con đường chánh lần lượt đi đến thành Vương xá, những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu dài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, thảy đều được thấy hết, được biết hết."

Thế Tôn nói rằng:

"Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng vô sự. Có Niết-bàn đó, có con đường dẫn đến Niết-bàn đó, Ta chỉ là Đạo Sư, giáo huấn các Tỳ-kheo như vậy, khiển trách các Tỳ-kheo như vậy, nhưng có người đạt đến cứu cánh Niết-bàn, có người lại không. Này Mục-kiền-liên, nhưng tùy theo sở hành của mỗi Tỳ-kheo mà Thế Tôn ghi nhận sở hành ấy, tức là cứu cánh lậu tận vậy."

Toán số Mục-kiền-liên bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, tôi đã hiểu. Bạch Cù-đàm, tôi đã rõ.

"Bạch Cù-đàm, cũng như trên mảnh đất tốt, có khu rừng Sa-la, trong đó có người giữ rừng Sa-la, sáng suốt, không lười biếng, đối với gốc rễ của các cây Sa-la, tùy theo thời mà cuốc xới, sang chõ cao, lấp chõ thấp, quét dọn rác, tưới nước, không để sai thời. Nếu bên cạnh có

mọc cỏ tạp ô uế thì nhổ sạch hết. Nếu có những cây đâm ngang, cong queo thì uốn lại cho thẳng hay tỉa đi. Nếu có những cây mọc rất ngày thẳng thì chăm sóc, giữ gìn, hằng cuốc xới, quét dọn rác, tưới nước, không để sai thời. Như vậy, trên mảnh đất tốt, rừng cây Sa-la càng ngày càng sum suê.

“Bạch Cù-đàm, cũng vậy, có người đua nịnh, đối trá, không biết thi ân, vô tín, giải đãi, không niệm, không định, ác tuệ, tâm cuồng, các căn rối loạn, trì giới lơ là, không tu trì phát triển. Sa-môn Cù-đàm, với những người như vậy không thể cộng sự. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy là phạm hạnh ô uế.

“Bạch Cù-đàm, nếu có những người không đua nịnh, cũng không đối trá, biết thi ân, có tín, tinh tấn, không giải đãi, có niệm, có định và cũng có trí tuệ, rất mực cung kính, tu tập phát triển. Sa-môn Cù-đàm, với những người như vậy có thể cộng sự. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy là phạm hạnh thanh tịnh.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại căn hương⁹, trầm hương là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trầm hương đối với các loại căn hương, nó là tối thượng.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại sa-la thọ hương¹⁰, xích chiên-dàn là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì chiên-dàn đối với các thứ sa-la thọ hương, nó là tối thượng.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại thủy hoa, hoa sen xanh là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì hoa sen xanh đối với các loại thủy hoa, nó là tối thượng.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong các thứ hoa trên đất, hoa tu-ma-na là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì tu-ma-na hoa đối với các loại lục hoa, nó là tối thượng.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong thế gian, giữa các luận sĩ, Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm như một luận sĩ có thể khuất phục tất cả các ngoại đạo dị học vậy.

“Bạch Thế Tôn, nay con tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng.

⁹. Căn hương 根香, hương liệu từ rễ cây; xem kinh 141 trên. Pāli: mūlagandhā.

¹⁰. Sa-la thọ hương 嫣羅樹, loại hương trầm bằng lõi cây; xem kinh 141 trên. Pāli: sāragandhā.

Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay, trọn đời
đều tự quy y cho đến tận mạng."

Phật thuyết như vậy. Toán số Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo sau
khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, sau khi Đức Phật Bát-niết-bàn chưa bao lâu, Tôn giả A-nan du hóa tại thành Vương xá.

Lúc bấy giờ đại thần Vũ Thế², nước Ma-kiệt-dà, đang chỉnh trị thành Vương xá để phòng ngừa dân Bạt-kỳ³. Rồi đại thần Vũ Thế sai Cù-mặc Mục-kiền-liên, một người làm ruộng⁴, đi đến Trúc lâm, vườn Ca-lan-dà.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào lúc sáng sớm khoác y ôm bát vào thành Vương xá để khất thực, rồi Tôn giả A-nan nghĩ rằng: “Hãy gác việc khất thực trong thành Vương xá lại đã. Ta hãy đến chỗ Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng.”

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên⁵ từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Tôn giả A-nan, bạch rằng:

“Kính chào A-nan, lâu nay không thấy đến. Xin mời ngồi trên chỗ này.”

1. Bản Hán, quyển 36. Tương đương Pāli M. 108 Gopaka-Moggallāna-suttam.

2. Ma-kiệt-dà đại thần Vũ Thế. Pāli: Vassakāro brāhmaṇo Magadhamahāmatto. Xem cht.5, kinh 142.

3. Xem kinh 142. Theo bản Pāli, chuẩn bị đánh nhau với Pajjo, chứ không phải với Vajji (Bạt-kỳ).

4. Cù-mặc Mục-kiền-liên điền tác nhân 罟目犍連田作人。Pāli: gopakamogallānassa brāhmaṇassa kammanto, chỗ làm việc của Bà-la-môn Gopaka-Moggallāna. Trong bản Hán, kammanta, chỗ đang làm việc, được hiểu là kassaka: nông phu?

5. Đoạn trên nói ông là người làm ruộng. Xem cht. trên.

Tôn giả A-nan liền ngồi trên chỗ ngồi đó.

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi chào hỏi Tôn giả A-nan, rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

“Bạch A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng?”

Tôn giả A-nan trả lời rằng:

“Mục-kiền-liên, ông cứ hỏi đi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Bèn hỏi rằng:

“Bạch A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-dàm chăng?”

Trong khi Tôn giả A-nan và Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên đang thảo luận vấn đề này thì đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-dà đang đi ủy lạo những người làm ruộng⁶, đến chỗ của Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng. Đại thần Vũ Thế từ xa trông thấy Tôn giả A-nan ở trong chỗ Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng, bèn đi đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, hỏi rằng:

“Bạch A-nan, vừa rồi cùng với Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên thảo luận vấn đề gì vậy? Vì việc gì mà cùng hội họp ở đây?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Vũ Thế, Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên hỏi tôi rằng ‘A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-dàm chăng?’”

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-dà lại hỏi:

“A-nan, ngài trả lời ông ấy như thế nào?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được.”

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-dà lại hỏi:

“Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được. Nhưng có Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-dàm trong lúc tại thế lập nên và nói rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa của các Tỳ-kheo’, và vị ấy nay là nơi nương tựa của các người?”

Tôn giả A-nan đáp:

⁶. Hán: Ủy lạo diển tác nhân 慰勞田作人。 Pāli: kammante anusaññāyamāno, đang đi thị sát chỗ đang làm việc (công trường).

“Này Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bậc Tri Kiến⁷, được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên và nói rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi.”

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

“Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho các Tỳ-kheo’ và vị ấy nay là nơi nương tựa cho các người. Nhưng có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp và bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’, và vị ấy nay đang là nơi nương tựa của các người?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ và vị ấy nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

“Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Cũng không Tỳ-kheo nào được Tăng chúng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Ngày A-nan, nếu vậy các người hiện tại không có ai để nương tựa, nhưng cùng sống hòa hiệp, không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, khoái lạc du hành như trong lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế chặng?”

⁷. Hán: *vị Thế Tôn sở tri kiến* 爲世尊所知見; có lẽ dư chữ *sở*, vì những nơi khác trong bản Hán đều cho thấy như vậy. Pāli: *tena bhagavatā janatā passatā arahatā...*, bởi Thế Tôn, Bậc Tri Giả, Bậc Kiến Giả, là A-la-hán...

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, ông đừng nói rằng chúng tôi không có ai để nương tựa. Vì sao vậy? Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đáp rằng:

“Bạch A-nan, những điều được nói trước và sau sao lại không phù hợp nhau? A-nan vừa nói như vậy ‘Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bậc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay là nơi nương tựa cho chúng tôi’. Nhưng này A-nan, do nhân gì, duyên gì, nay lại nói rằng ‘Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa?’”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, chúng tôi không nương tựa nơi người, nhưng nương tựa nơi pháp. Ngày Vũ Thế, nếu chúng tôi nương tựa nơi thôn ấp mà sống, vào ngày mười lăm là ngày thuyết Tùng giải thoát, cùng tập họp ngồi tại một chỗ. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu biết pháp, chúng tôi thỉnh vị ấy thuyết pháp cho chúng tôi. Nếu chúng Tăng ấy được thanh tịnh, chúng tôi hoan hỷ phụng hành pháp mà Tỳ-kheo ấy đã nói. Nếu chúng Tăng ấy không thanh tịnh, tùy theo pháp được nói, chúng tôi khuyên dạy làm cho đúng⁸. ”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

“Bạch A-nan, không phải các ngài khuyên dạy làm cho đúng, nhưng chính là pháp khuyên dạy làm cho đúng. Như vậy, A-nan, một ít pháp hay có nhiều pháp thảy đều có thể được tồn tại lâu dài, và như vậy A-nan, các ngài sống hòa hiệp không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, khoái lạc du hành như

^{8.} Pāli: *tasmīm ce bhaññamāne hoti bhikkussa āpatti hoti vītakamo, tam mayaṁ yathādhammaṁ yathāsathaam karmati*, “nếu trong những điều được thuyết ấy, có Tỳ-kheo nào vi phạm, chúng tôi khiến vị ấy làm đúng theo Pháp, đúng theo Luật”.

lúc Sa-môn Cù-dàm tại thế.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-dà lại hỏi:

“Này A-nan, có vị nào đáng tôn kính chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, có vị xứng đáng được tôn kính.”

Vũ Thế bạch rằng:

“Bạch A-nan, những điều được nói sao lại trước sau không phù hợp nhau? A-nan vừa nói như vậy ‘Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn trong lúc tại thế lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi.’ Cũng không có một Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để nay vị ấy đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Nhưng này A-nan, do nhân gì, duyên gì nay lại nói rằng ‘Có vị xứng đáng được tôn kính?’”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, Thế Tôn, Bậc Tri Kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đã có dạy về mười pháp đáng tôn kính⁹. Nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào có mười pháp này, chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự Tỳ-kheo ấy.”

“Những gì là mười?

“Này Vũ Thế, Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ Tùng giải thoát, lại khéo thu nhiếp oai nghi lẽ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Ngày Vũ Thế, nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực hành trì tăng thượng giới thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, ngày Vũ Thế, Tỳ-kheo học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự bác văn, đối với những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, đối với các pháp như vậy, học rộng nghe nhiều, tụng thuộc cho

⁹. Thập pháp nhị khả tôn kính 十法而可尊敬。Pāli: dasa pasādaniyā dhammā, mươi pháp khả hỷ, khiến cho tin tưởng.

đến hàng nghìn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, hiểu sâu¹⁰. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực đa văn thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ấy xứng đáng là thiện tri thức, xứng đáng là thiện bằng hữu, xứng đáng là người bạn đồng hành tốt. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự xứng đáng là thiện tri thức, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ưa thích đời sống viễn ly, thành tựu cả hai sự viễn ly là thân và tâm. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự rất ưa thích đời sống viễn ly thì chúng tôi ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ưa thích sự tĩnh tọa, nội hành tĩnh chỉ vắng lặng¹¹, cũng không rời tư sát, thành tựu quán hạnh, tăng trưởng không hành¹². Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất ưa thích sự tĩnh tọa, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Cũng như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong hư không; cũng vậy, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tri túc thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo thường hành chuyên niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã tập hành từ lâu, những gì đã từng nghe từ lâu, hằng ghi nhớ không quên. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất chánh niệm thì chúng tôi thường ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

¹⁰. Hán: ý sở duy quán, minh kiến thâm đạt 意所惟觀明見深達。Pāli: manasānupekkhitā ditṭhiyā suppaṭividdhā, chiêm nghiệm một cách chuyên ý, thâm nhập bằng sự thấy rõ.

¹¹. Nội hành chánh chỉ 内行正止。

¹². Tăng trưởng không hành 增長空行。

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu tập các thiện pháp, hằng tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, đối với các gốc rễ thiện pháp không từ bỏ phương tiện. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tinh cần thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy, được như thật trí, thánh tuệ minh đạt, phân biệt thông suốt để chân chánh diệt tận sự khổ. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực tu hành trí tuệ thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo các lậu đã diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào các lậu đã diệt tận, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Thế Tôn, Bậc Tri Kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng thuyết mười pháp xứng đáng được tôn kính này. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào hành mười pháp này thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.”

Lúc bấy giờ, đám đông ở đây cất cao tiếng lớn nói¹³:

“Có thể tu tập con đường chánh trực chứ không phải không thể tu. Nếu ai tu tập con đường chánh trực, chứ không phải không thể tu thì vị ấy là A-la-hán ở trong đời, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự. Nếu các ngài đối với con đường chánh trực nên tu tập mà có thể tu tập, thế thì trong đời các ngài là A-la-hán, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự¹⁴. ”

Rồi đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà cùng với đám tùy tùng nói:

“A-nan, nay đang trú tại đâu?”

¹³. Vì các chi tiết không được mạch lạc, không rõ đám đông này là những ai.

¹⁴. Đoạn này bản Hán hơi tối nghĩa. Trong bản Pāli, đây là lời của Vassakāra nói với tướng quân Upananda; đại ý: đối với những vị chân chánh tu hành, mà nếu các Tỳ-kheo không tôn trọng, thì còn tôn trọng ai?

Tôn giả A-nan đáp:

“Tôi đang du hành tại Vương xá này, ở trong Trúc lâm, vườn Ca-lan-dà.”

“A-nan, vườn trúc Ca-lan-dà thật là khả ái, đáng ưa, rất chỉnh đốn, dễ thích. Ban ngày không ồn ào, ban đêm vắng lặng, không có muỗi mòng, ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. A-nan, ngài thích sống trong Trúc lâm Ca-lan-dà chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thật vậy, Vũ Thế, vườn trong Trúc lâm Ca-lan-dà rất khả ái, dễ ưa, rất chỉnh đốn, dễ thích, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì vắng lặng, không có muỗi mòng, không có ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. Này Vũ Thế, tôi thích trú trong vườn Trúc lâm Ca-lan-dà ấy. Vì sao? Vì được Tôn giả ủng hộ¹⁵. ”

Lúc ấy, đại tướng Bà-nan¹⁶ cũng ở giữa đám đông ấy. Đại tướng Bà-nan thưa:

“Thật vậy, Vũ Thế, vườn trong Trúc lâm Ca-lan-dà rất khả ái, dễ ưa, rất chỉnh đốn, dễ thích, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì vắng lặng, không có muỗi mòng, không có ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. Tôn giả ấy thích trú tại Trúc lâm Ca-lan-dà. Vì sao vậy? Vì Tôn giả này hành thiền tử, ưa thích thiền tử¹⁷. ”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-dà nghe xong bèn nói:

“Này đại tướng Bà-nan, trước đây, khi Sa-môn Cù-dàm du hành lạc viên Kim-bệ-la¹⁸, này đại tướng Bà-nan, lúc bấy giờ tội nhiều lần đến thăm Sa-môn Cù-dàm. Vì sao vậy? Sa-môn Cù-dàm hành thiền tử,

¹⁵. Trong bản Hán: *dī thế tôn ủng hộ cố* 以世尊擁護故; có lẽ dư chữ *thế*. Tham chiếu Pāli: *yathā tam tumhādisehi rakkhakehi gopakehi*, nhờ những người ủng hộ, bảo vệ như ngài.

¹⁶. Bà-nan 婆難, Pāli: *Upananda senāpati*.

¹⁷. Hành tử lạc tử 行樂子; hành tử ở đây được hiểu là *hành thiền*. Pāli: *jhāyino ca jhānasilino ca*, là những người hành thiền, có xu hướng (tập quán) hành thiền.

¹⁸. *Kim-bệ-la lạc* (hay nhạc?) viên 金鞞羅樂園; không rõ địa danh này, Có thể Pāli là *Kimbilā*, một thị trấn bên bờ sông Hằng, trong một khu rừng tre. Nhưng trong bản tương đương: *Vesāliyaṁ Mahāvane Kūṭagārasālāyam*, ở giang đường Trung các (ngôi nhà lầu) trong rừng Đại lâm thành Vesāli.

ưa thích thiền tú, tán thán tất cả thiền tú.”

Tôn giả A-nan nghe xong, nói rằng:

“Vũ Thế, đừng nói rằng: Sa-môn Cù-dàm tán thán tất cả thiền tú. Vì sao vậy? Thế Tôn có khi tán thán thiền tú, nhưng có khi không tán thán.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt lại hỏi:

“A-nan, Sa-môn Cù-dàm không tán thán thiền tú; nhưng không tán thán loại thiền tú nào?”

Tôn giả A-nan đáp rằng:

“Vũ Thế, hoặc có người bị trói buộc bởi tham dục mà phát khởi tham dục, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi tham dục cho nên thiền tú, tăng gia thiền tú mà trầm trọng thiền tú¹⁹. Đó là loại thiền tú thứ nhất mà Thế Tôn không tán thán.

“Lại nữa, Vũ Thế, hoặc có người bị triền phược bởi sân nhuế mà móng khởi sân nhuế, không biết như thật sự xuất yếu, người ấy vì bị chướng ngại bởi sân nhuế cho nên thiền tú, tăng gia thiền tú mà trầm trọng thiền tú. Vũ Thế, đó là loại thiền tú thứ hai Thế Tôn không tán thán.

“Lại nữa, này Vũ Thế, bị triền phược bởi thùy miên mà móng khởi thùy miên, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi thùy miên cho nên thiền tú, tăng gia thiền tú, mà trầm trọng thiền tú. Vũ Thế, đó là loại thiền tú thứ ba mà Thế Tôn không tán thán.

“Lại nữa, này Vũ Thế, bị triền phược bởi nghi hoặc mà móng khởi nghi hoặc, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi nghi hoặc cho nên thiền tú, tăng gia thiền tú, mà trầm trọng thiền tú. Vũ Thế, đó là loại thiền tú thứ tư Thế Tôn không tán thán.

“Này Vũ Thế, Thế Tôn không tán thán bốn loại thiền tú này.”

¹⁹. Từ, tăng tú, nhi trọng tú 同 增 伺 而 重 伺, có thể hiểu là “đò xét, tăng gia đò xét, trầm trọng đò xét”. Xem các thí dụ trong kinh số 131 trên. Pāli: jhāyati pajjhāyati nijjhāyati apajjhāyati: thiền tú (trầm ngâm suy nghĩ), mãi miết thiền tú (= bị dày vò), chìm đắm thiền tú (= bị thiêu đốt), chuyên chú thiền tú. Trong Pāli, động từ jhāyati (Skt. dhyāyati, danh từ phái sinh: jhāna, Skt. dhyāna, âm: thiền), có nghĩa là *tư duy* hay *trầm tú*; nhưng cũng có nghĩa là *thiêu đốt* hay *hỏa táng* (Hán âm: xà-duy hay trà-tì, hỏa táng; Skt. kṣayati).

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

“Bạch A-nan, bốn loại tư sát này thật đáng ghét, là những trường hợp đáng ghét, Sa-môn Cù-đàm không tán thán. Vì sao vậy? Vì là Bậc Chánh Đẳng Giác vậy.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

“A-nan, những loại thiền tử nào được Sa-môn Cù-đàm tán thán?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Vũ Thế, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Nay Vũ Thế, Thế Tôn tán thán bốn loại thiền tử này.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

“Bạch A-nan, bốn loại thiền tử này thật đáng tán thán, là những trường hợp đáng tán thán, được Sa-môn Cù-đàm tán thán. Vì sao vậy? Vì là Bậc Chánh Đẳng Giác vậy. A-nan, tôi nhiều việc ứ đọng, xin phép cáo từ.”

Tôn giả A-nan nói:

“Xin cứ tùy ý.”

Rồi đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, cẩn thận ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ba vòng rồi trở lui.

Lúc bấy giờ Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đi không bao lâu, bạch rằng:

“Bạch A-nan, phải chăng những điều tôi hỏi đã không được trả lời?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Mục-kiền-liên, quả thật tôi đã không trả lời.”

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch rằng:

“A-nan, tôi lại có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Mục-kiền-liên, ông cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bèn hỏi rằng:

“A-nan, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và giải thoát của A-la-hán, ba giải thoát này có sự sai biệt nào và có sự thắng liệt nào chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Mục-kiền-liên, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai,

Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và giải thoát của A-la-hán, ba giải thoát này không có sai biệt, cũng không có sự thăng liệt.”

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch rằng:

“Bạch A-nan, mong ngài ở lại đây dùng cơm.”

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời.

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời bèn rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, tự tay lấy nước, rửa dọn các thức ăn rất tịnh diệu với các loại nhai và nuốt rất thịnh soạn, tự tay châm chước cho đến no đủ. Ăn xong, dọn dẹp chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng một bên nghe pháp. Tôn giả A-nan thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, Tôn giả A-nan đứng dậy ra về²⁰.

Tôn giả A-nan thuyết như vậy. Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-dà và Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi nghe Tôn giả A-nan thuyết, hoan hỷ phụng hành.



²⁰. Đoạn trong ngoặc, bản chữ Hán có thể sót; ở đây, theo những nơi khác, thêm vào cho đủ nghĩa.

146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, đệ tử Ti-lô² vào lúc sáng sớm ra khỏi nước Xá-vệ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Phật thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bắng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong rồi Phật ngồi im lặng.

Đệ tử Ti-lô sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh ba vòng rồi lui về.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn³ ngồi trên cỗ xe trắng rất đẹp, cùng với năm trăm đệ tử, vào lúc sáng sớm, khi ra khỏi Xá-vệ, đi đến một khu rừng để dạy đệ tử tụng đọc kinh thơ. Phạm chí Sanh Văn từ xa trông thấy đệ tử Ti-lô đi đến, bèn hỏi:

“Này Bà-ta⁴, mới sáng sớm đã từ đâu về vậy?”

Đệ tử Ti-lô đáp:

“Này Phạm chí, tôi đi thăm Đức Thế Tôn, lễ sự, cúng dường rồi về đây.”

¹. Tương đương Pāli M.27 Cūla-hatthīpadoma-sutta, ví dụ về dấu chân voi.

². Ti-lô đệ tử 卑盧異學; Pāli: Piilotika-paribbājaka, một du sĩ trẻ, thuộc bộ tộc Vacchāyama.

³. Sanh Văn 生聞, Jāṇussoṇi, các kinh tiếp theo sau. Ông được kể trong số những Bà-la-môn lỗi lạc đương thời Phật. Ông thường ở tại Xá-vệ và thường đến gặp Phật để thảo luận. Aṅguttara ghi chép nhiều nhất các cuộc đối thoại này.

⁴. Bà-ta 婆蹉。Pāli: Vacchāyana, xem chú thích (2) ở trên.

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

“Có biết Sa-môn Cù-dàm ở nơi trống vắng yên tĩnh học trí tuệ chăng?”

Dị học Ti-lô đáp:

“Phạm chí, hạng người nào mà có thể biết Thế Tôn ở nơi trống vắng yên tĩnh học trí tuệ? Nay Phạm chí, nếu biết Thế Tôn ở nơi trống vắng yên tĩnh, học trí tuệ thì cũng phải bằng Thế Tôn. Nhưng, này Phạm chí, kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa⁶ và do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin tưởng Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng.

“Này Phạm chí, cũng như thợ săn voi rành nghề, đi rảo trong một khu rừng, ở giữa rừng cây nhìn thấy dấu chân voi to lớn, thấy rồi thì nhất định tin tưởng con voi này phải là rất lớn mới có dấu chân như vậy. Nay Phạm chí, tôi cũng như vậy. Trong kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa, do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

“Bốn cú nghĩa ấy là thế nào?

“Này Phạm chí, các luận sĩ Sát-lợi có trí tuệ, học rộng, quyết định⁷, có thể khuất phục người đời, không thứ gì là không biết, rồi đem những điều được thấy mà tạo tác văn chương, lưu hành trong thế gian. Họ nghĩ như vậy, ‘Ta đến chỗ Sa-môn Cù-dàm hỏi sự việc như vậy, nếu trả lời được, ta lại hỏi nữa. Nếu không trả lời được, ta khuất phục rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, hỏi còn không dám, há lại nói đến sự khuất phục. Nay Phạm chí, kinh thư mà tôi đã đọc dùng được cho cú nghĩa thứ nhất này. Nhận ý nghĩa này, tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như

^{5.} Trong bản Pāli: tam kiṃ maññati (...) samaṇanassa Gotamasasa paññāveyyattiyam, paññito..., ông có nghĩ rằng Sa-môn Cù-dàm có trí tuệ đặc sắc,..., là người thông bác chăng?

^{6.} Tứ cú nghĩa 四 句 義。Pāli: Samaṇne Gotame cattāri padāni, bốn dấu chân nơi Sa-môn Gotama. Trong Pāli, pada, có nghĩa dấu chân, cũng có nghĩa là câu văn.

^{7.} Hán: quyết định 決 定; bản Pāli: nīpuṇe: tinh tế.

Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hưởng.

“Cũng vậy, những Phạm chí có trí tuệ, những Cư sĩ có trí tuệ, những luận sĩ Sa-môn có trí tuệ, đa văn, quyết định, có khả năng khuất phục người đời, không điều gì là không biết, rồi đem những điều được thấy tạo tác văn chương lưu hành thế gian. Họ nghĩ như vậy, ‘Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi sự việc như vậy, nếu trả lời được, ta lại hỏi nữa. Nếu không trả lời được, ta khuất phục rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, hỏi còn không dám, há lại nói đến sự khuất phục. Nay Phạm chí, kinh thư mà tôi đã đọc dùng được cho cú nghĩa thứ tư này. Nhận ý nghĩa này, tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hưởng.

“Này Phạm chí, kinh thơ mà tôi được đọc có bốn cú nghĩa này. Tôi do bốn cú nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hưởng.”

Phạm chí Sanh Văn nói rằng:

“Này Bà-ta, ông thật hết sức cúng dường Sa-môn Cù-đàm. Do sở nhân, sở duyên này mà hoan hỷ phụng hành.

Dị học Ti-lô đáp:

“Này Phạm chí, thật vậy, thật vậy, tôi hết sức cúng dường Đức Thế Tôn ấy và cũng hết sức tán thán. Tất cả thế gian cũng nên cúng dường.”

Lúc bấy giờ Phạm chí Sanh Văn trên xe bước xuống, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay hướng về rừng Thắng, vườn Cấp cô độc ba lần làm lễ:

“Nam mô Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.”

Ba lần như vậy xong, trở lên cỗ xe trắng rất đẹp, đi đến rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Đến chỗ xe có thể đi được, rồi xuống xe đi bộ, tiến về chỗ Phật, chào hỏi xong ngồi xuống một bên, đem câu chuyện mà Phạm chí Sanh Văn vừa thảo luận với dị học Ti-lô, kể lại hết cho Phật nghe.

Thế Tôn nghe xong, nói rằng:

“Này Phạm chí, dị học Ti-lô nói thí dụ về dấu chân voi chưa được hoàn hảo, chưa được trọng vẹn. Thí dụ về dấu chân voi mà được nói một cách hoàn hảo, trọng vẹn để Ta nói cho ông nghe. Hãy khéo nghe kỹ.

“Này Phạm chí, cũng như thợ săn voi rành nghề, đi vào trong một khu rừng, ở giữa đám cây rừng, nhìn thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, có thể tin rằng con voi kia phải hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

“Này Phạm chí, thợ săn voi rành nghề ấy, hoặc giả không tin⁸, vì rằng trong khu rừng ấy có một loại voi cái được gọi là Gia-lê-nậu⁹, thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân này. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân. Lại thấy dấu chân voi rất lớn. Thấy rồi có thể tin rằng con voi này hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

“Này Phạm chí, thợ săn rành nghề ấy, hoặc giả vẫn không tin, vì rằng trong khu rừng ấy lại còn có loại voi cái được gọi là Gia-la-lê¹⁰, thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân này. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân này, lại thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, có thể tin rằng con voi này phải hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

“Này Phạm chí, thợ săn rành nghề ấy, hoặc giả vẫn không tin, vì rằng trong rừng này còn có loại voi cái được gọi là Bà-hòa-nậu¹¹, thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân này. Bèn đi tìm dấu chân này. Lại thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi có thể tin rằng con voi này phải hết sức to lớn mới có dấu chân này. Thợ săn sau khi tìm theo dấu chân, thấy dấu chân voi rất lớn. Dấu chân voi rất lớn, vuông vức, rất dài, rất rộng, toàn thể chu vi bàn chân lún sâu xuống đất, và thấy con voi ấy hoặc đi lui, hoặc đi tới, hoặc dừng lại, hoặc chạy, hoặc đứng, hoặc nằm. Thấy con voi ấy bèn nghĩ ‘Nếu có dấu chân lớn ấy tất phải con voi lớn này’.

“Này Phạm chí, cũng vậy, nếu trong đời xuất hiện Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ,

⁸. Không tin là voi lớn nhất. Sẽ còn có con lớn hơn nữa.

⁹. Gia-lê-nậu 加梨菟； Pāli: Kañerukā, tên một loại voi cái.

¹⁰. Gia-la-lê 加羅梨； Pāli: Kalārikā, cũng tên một loại voi cái.

¹¹. Bà-hòa-nậu 婆惣菟； Pāli: Vāmanikā, loại voi cái rất lớn và lùn.

Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chứng Hựu; vị ấy đối với thế gian này, gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến người, mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trọn đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, pháp được vị ấy thuyết giảng, hoặc Cư sĩ, hoặc con nhà Cư sĩ, nghe xong được tín tâm. Sau khi ở trong Chánh pháp luật của Như Lai mà được tín tâm rồi, bèn nghĩ rằng ‘Tại gia chật hẹp, đầy những nhọc nhăn bụi bặm. Đời xuất gia học đạo rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị những phiền lớn khóa chặt, không được trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Vậy ta hãy từ bỏ những tài vật ít hay tài vật nhiều, từ giã thân thuộc lớn hay thân thuộc nhỏ, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo’.

“Người ấy về sau hãy từ bỏ những tài vật ít hay tài vật nhiều, từ giã thân thuộc lớn hay thân thuộc nhỏ, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo. Vị ấy sau khi xuất gia, từ giã thân thuộc, thọ yếu pháp Tỳ-kheo, tu tập cấm giới, thủ hộ Tùng giải thoát; lại khéo thu nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy những lối nhỏ nhặt cũng thường đem lòng lo sợ, thọ trì học giới.

“Người ấy lìa bỏ sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tầm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, chỉ lấy của được cho, vui trong sự lấy của được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không trông chờ báo đáp. Người ấy đối với sự lấy của không cho, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, siêng tu phạm hạnh, tinh cần diệu hạnh thanh tịnh vô uế, ly dục, đoạn dâm. Người ấy đối với sự phi phạm hạnh tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa nói láo, đoạn trừ nói láo, nói lời chắc thật, an trú trên sự thật không di động, nói tất cả những lời đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Người ấy đối với sự nói láo, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, sống không hai lưỡi, không phá hoại người khác. Không nghe người này nói lại

người kia để phá hoại người này. Không nghe từ người kia nói lại người này để phá hoại người kia. Chia rẽ thì làm cho hòa hợp, đã hòa hợp thì làm cho hoan hỷ. Không kết bè đảng, không vui theo bè đảng, không ca ngợi việc kết bè đảng. Người ấy đối với hai lưỡi, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa lời nói cộc cằn, đoạn trừ nói cộc cằn. Nếu có lời nói nào mà lời lẽ thô lỗ, tiếng dữ chói tai, mọi người không vui, mọi người không thích, khiến người khác khổ não, khiến không được định, đoạn trừ những lời như vậy. Nếu có những lời nào mà ôn hòa, mềm mỏng, nghe lọt tai, thấm vào lòng, đáng ưa, đáng thích, khiến người khác an ổn, lời tiếng rõ ràng đầy đủ, không khiến người sợ, khiến người được định. Nói những lời như vậy. Người ấy đối với sự nói cộc cằn, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt; nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói tịch tĩnh, nói sự ưa thích tịch tĩnh, hợp sự việc, hợp thời cơ, khéo khuyến giáo, khéo khiển trách. Người ấy đối với sự nói thêu dệt, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa việc buôn bán, dẹp bỏ cân đong và đấu hộc; cũng không nhận hàng hóa, không buộc trói người, không mong đong lừa, cân thiếu, không vì lợi nhỏ mà xâm hại, gạt gãm người. Người ấy đối với sự buôn bán, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâu nhận đàn bà góa, đồng nữ, đoạn trừ sự thâu nhận đàn bà góa, đồng nữ. Đối với sự thâu nhận đàn bà góa, đồng nữ, người ấy tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâu nhận nô tỳ, đoạn trừ sự thâu nhận nô tỳ. Người ấy đối với sự thâu nhận nô tỳ, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê, đoạn trừ sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê. Người ấy đối với sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâu nhận gà, heo, đoạn trừ sự thâu gà, heo. Người ấy đối với sự thâu nhận gà, heo, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá, đoạn trừ sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá. Người ấy đối với sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâu nhận lúa, thóc, đậu sống, đoạn trừ sự

thâu nhận lúa, thóc, đậu sống. Người ấy đối với sự thâu nhận lúa, thóc, đậu sống, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Người ấy đối với sự uống rượu, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa giường cao rộng lớn, đoạn trừ giường cao rộng lớn. Người ấy đối với giường cao rộng lớn, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp; đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp. Người ấy đối với tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa ca, vũ, xướng, kĩ và đi đến xem nghe; đoạn trừ ca, vũ, xướng, kĩ và đi đến xem nghe. Người ấy đối với ca, vũ, xướng, kĩ và đi đến xem nghe, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâu nhận tiền bạc, đoạn trừ sự thâu nhận tiền bạc. Người ấy đối với sự thâu nhận tiền bạc, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự ăn quá ngọ, đoạn trừ sự ăn quá ngọ. Người ấy đối với sự ăn quá ngọ, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này rồi, lại sống hết sức tri túc, áo chỉ cốt che thân, ăn chỉ cốt nuôi thân, du hành đến đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc, cũng như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong không.

“Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc rồi, lại thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phẫn tránh¹² mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia¹³, nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn.

“Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc, thủ hộ các căn rồi, lại biết rõ chân chánh sự ra vào, khéo quán sát

^{12.} Xem cht.5, kinh 144.

^{13.} Xem cht.6, kinh 144.

phân biệt sự co, duỗi, cúi, ngược, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và mang các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, nói năng thảy đều biết rõ chân chánh.

“Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc, thủ hộ các căn, biết rõ chân chánh sự ra vào rồi lại sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, những nơi trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Người ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, những chỗ không nhàn yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm¹⁴, đoạn trừ tâm tham lam, không có nãy hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham lam muốn khiến về mình. Người ấy đối với tham lam, tâm được tịnh trừ.

“Cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, trạo hối, đoạn trừ nghi hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Vì ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy đoạn trừ năm triền cái này, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ.

“Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Rồi người ấy giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ.

“Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác,

^{14.} *Chánh thân chánh nguyện phản niệm bất hướng* 正 身 正 愿 反 念 不 向。Pāli: *ujum kāyam pañidhāya, parimukham satim upaṭṭhapetvā, giū thān ngay thāng;* dựng chánh niệm để trước mặt. Trong bản Pāli, *pañidhāya*, “đặt để” trong bản Hán hiểu là *pañidhāna*, “ước nguyện”.

pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Rồi người ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú nơi chánh niệm, chánh trí, thân cảm lạc thọ, điều mà Thánh nói là Thánh sở xả niệm lạc trú thất, đạt đến Tam thiền, thành tựu an trú.

“Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Rồi người ấy lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, đạt đến Tứ thiền, thành tựu an trú.

“Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Người ấy sau khi đạt đến tịnh tâm như vậy, thanh tịnh, không uế, không phiền, nhu nhuyễn, an trú vững vàng, đạt được bất động tâm, thú hướng đến sự tác chứng lậu tận trí thông. Người ấy biết như thật đây là Khổ, biết như thật đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo, biết như thật đây là lậu, biết như thật đây là lậu tận, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo.

“Người ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, Người ấy lấy đây làm cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Thí dụ về dấu chân voi như vậy là khéo trình bày được trọn vẹn chăng?”

Phạm chí Sanh Văn bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay tự quy y cho đến mạng tận¹⁵. ”

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Sanh Văn và Dị học Ti-lô sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁵. Đối chiếu kinh số 149 ở sau.

147. KINH VĂN ĐỨC¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn², sau giữa trưa thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, Ngài nghe cho mới dám trình bày.”

Thế Tôn nói:

“Này Phạm chí, muốn hỏi gì xin cứ hỏi.”

Phạm chí Sanh Văn bèn hỏi:

“Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, hoặc có người tại gia, hoặc có người xuất gia học đạo, nhưng vì mục đích gì mà bác văn, tụng tập?”

Thế Tôn đáp:

“Đệ tử của Ta, hoặc tại gia hay xuất gia học đạo mà bác văn, tụng tập là muốn tự điều phục, muốn tự tịch tĩnh, tự tìm cầu cứu cánh tịch diệt. Ngày Phạm chí, đệ tử của Ta tại gia hay xuất gia học đạo vì mục đích này mà bác văn tụng tập.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Này Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt chăng? Bác văn tụng tập có công đức chăng?”

Thế Tôn nói:

“Này Phạm chí, bác văn tụng tập có sự sai biệt, bác văn tụng tập cũng có công đức.”

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

¹. Không thấy các bản tương đương.

². Xem kinh số 146 trên.

“Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt gì? Có công đức gì?”

Thế Tôn nói:

“Này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp cốt để mưu cầu lợi ích, nhưng công nghiệp của họ thất bại, không thành. Khi những công nghiệp của họ thất bại không thành, họ không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình, áo nǎo; cũng không phát cuồng. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp mà những công nghiệp ấy thất bại không thành; dù những công nghiệp ấy đã thất bại không thành, họ vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình áo nǎo; cũng không phát si phát cuồng, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. .

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có những yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình áo nǎo, cũng không phát si phát cuồng. Nay Phạm chí, nếu da văn Thánh đệ tử có những yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt, chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình áo nǎo, cũng không phát si phát cuồng, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu này thảy đều vô thường, nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu thảy đều vô thường nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng tài vật sở hữu thảy đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng những sở hữu tài vật thảy đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình sống không gia đình học đạo, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có thể nhẫn nại đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dữ, gãy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các thứ bệnh tật rất đau đớn

đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thảy đều có thể nhẫn nại. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử có thể kham nhẫn đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dữ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thảy đều có thể nhẫn nại, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không hoan lạc. Khi những điều không hoan lạc đã sanh, trong lòng không hề bị vướng bận. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không hoan lạc; những điều không hoan lạc đã sanh, trong tâm không hề bị vướng bận, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi. Khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề bị vướng bận. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi, khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề vướng bận, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử khi sanh khởi ba niệm ác bất thiện là: niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này, trong tâm không hề bị dính trước. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử phát sanh ba niệm ác bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này mà trong tâm không hề bị dính trước, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-dà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh. Sau khi bảy lần qua lại nhân gian thiên thượng rồi đạt đến khổ biên. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-dà-hoàn, không đọa pháp

ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh; sau khi bảy lần qua lại nhân gian và thiên thượng rồi đạt đến khổ biêñ, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, dâm, nộ và si đã mỏng, chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng và nhân gian rồi đạt đến khổ biêñ. Ngày Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, dâm, nộ và si đã mỏng, chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng và nhân gian rồi đạt đến khổ biêñ, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kết đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không trở lại thế gian này. Ngày Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kết đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không trở lại thế gian này, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, với định như thế mà³ thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu. Ngày Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, với định như thế mà thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử với các như ý túc là thiênnhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Ngày Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử này với các như ý túc là thiênnhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không

³. Như kỳ tượng định; với một thiền định thích hợp nào đó.

còn tái sanh nữa', thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này."

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

"Bạch Thế Tôn, bác văn tụng tập có sự sai biệt này, có công đức này. Còn có sự sai biệt nào, còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa chăng?"

Thế Tôn nói:

"Này Phạm chí, bác văn tụng tập này có sự sai biệt này và với công đức này không còn có sự sai biệt, không còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa."

Phạm chí Sanh Văn bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Uú-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời quy y cho đến tận mạng."

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



148. KINH HÀ KHỔ¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn², sau giữa trưa thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Này Cù-dàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày.”

Thế Tôn nói:

“Ông muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi.”

Phạm chí Sanh Văn bèn hỏi:

“Cù-dàm, người tại gia có những sự khổ nào? Và người xuất gia có những khổ nào?”

Đức Thế Tôn trả lời rằng:

“Người tại gia vì không được tự do mà khổ. Người xuất gia vì tự do mà khổ.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-dàm, tại sao người tại gia vì không được tự do mà khổ? Và tại sao người xuất gia vì tự do mà khổ?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu người tại gia mà tiền tài không tăng trưởng, kim ngân, chén châu, lưu ly, thủy tinh thảy đều không tăng trưởng; súc mục, lúa, gạo cùng nô tỳ, sai dịch cũng không tăng trưởng; lúc bấy giờ người tại gia ưu sầu, khổ não. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều ưu tư khổ

¹. Tương đương Pāli: A. 5. 31 Sumanā. Tham chiếu Hán, No.125(17.8).

². Xem các kinh 146, 147 trên.

nhọc, trong lòng mang nhiều sầu bi.

“Này Phạm chí, nếu người xuất gia học đạo mà sống theo dục vọng, theo sân nhuế, ngu si, lúc bấy giờ xuất gia học đạo có nhiều ưu sầu khổ nǎo. Do sự kiện này mà có người xuất gia có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng chất nhiều sầu bi.

“Này Phạm chí, như vậy người tại gia vì không được tự do mà khổ, và người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-dàm, tại gia có những gì là hoan lạc? Và xuất gia học đạo có những gì là hoan lạc?”

Thế Tôn đáp:

“Tại gia vì tự do mà được hoan lạc, xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-dàm, tại sao tại gia vì tự do mà được hoan lạc? Và tại sao xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc?”

Thế Tôn đáp:

“Này Phạm chí, nếu người tại gia mà được tiền tài tăng trưởng, kim ngân, chơn châu, lưu ly, thủy tinh đều được tăng trưởng; súc mục, lúa gạo và nô tỳ, sai dịch cũng đều được tăng trưởng. Lúc bấy giờ tại gia là khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

“Này Phạm chí, người xuất gia học đạo sống không tùy theo dục vọng, không tùy theo sân nhuế, lúc bấy giờ xuất gia học đạo là khoái lạc hoan hỷ. Do sự kiện này mà người xuất gia học đạo có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

“Này Phạm chí, như vậy người tại gia vì tự do mà được hoan lạc, người xuất gia vì không tự do mà được hoan lạc.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-dàm, do sự kiện nào mà chư Thiên và Nhân loại nhất định không có lợi nghĩa? Do sự kiện nào mà chư Thiên và Nhân loại tất có lợi nghĩa?”

Thế Tôn đáp:

“Này Phạm chí, nếu chư Thiên và Nhân loại đấu tranh lẩn nhau, tất không có lợi nghĩa. Nếu chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh

lẫn nhau tất có lợi nghĩa.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, tại sao nếu chư Thiên và Nhân loại đấu tranh lẩn nhau, tất không có lợi nghĩa? Và tại sao chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh lẩn nhau tất có lợi nghĩa?”

Thế Tôn đáp:

“Này Phạm chí, lúc nào chư Thiên, Nhân loại đấu tranh thù nghịch, lúc bấy giờ chư Thiên, nhân loại có ưu tư, khổ nhọc, sầu bi. Do sự kiện này mà chư Thiên và Nhân loại có nhiều ưu tư khổ nhọc, sầu bi. Nếu lúc nào chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh thù nghịch, bấy giờ chư Thiên và Nhân loại được khoái lạc hoan hỷ. Do sự kiện này, chư Thiên và Nhân loại có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

“Này Phạm chí, như vậy chư Thiên và Nhân loại đấu tranh lẩn nhau tất không có lợi nghĩa. Nếu chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh lẩn nhau tất có lợi nghĩa.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Do sự kiện nào khiến cho chư Thiên, Nhân loại nhất định không được nhiều ích, phải gấp khổ nhọc? Do sự kiện nào khiến cho chư Thiên và Nhân loại tất được nhiều ích, tất được hoan lạc?”

Thế Tôn đáp:

“Này Phạm chí, nếu chư Thiên và Nhân loại sống bằng phi pháp, làm điều dữ, tất không được nhiều ích, tất phải khổ nhọc. Nếu chư Thiên và Nhân loại hay sống đúng như pháp, không làm dữ, tất được nhiều ích, tất được hoan lạc.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, thế nào là chư Thiên và Nhân loại sống bằng phi pháp và làm điều dữ để nhất định không được nhiều ích, nhất định phải khổ nhọc? Thế nào là chư Thiên và Nhân loại sống đúng như pháp và không làm điều dữ để nhất định được nhiều ích, được hoan lạc?”

Thế Tôn nói:

“Này Phạm chí, chư Thiên và Nhân loại thân làm điều phi pháp và làm điều dữ, miệng và ý làm điều phi pháp và làm điều dữ, lúc bấy giờ chư Thiên và Nhân loại tất sẽ tổn giảm, A-tu-la tất sẽ hưng thạnh. Ngày Phạm chí, nếu chư Thiên và Nhân loại mà thân làm đúng như pháp, thủ hộ thân và ý làm đúng như pháp, thủ hộ miệng và ý, thì bấy

giờ chư Thiên và Nhân loại tất sẽ hưng thạnh, A-tu-la tất sẽ tổn giảm.

Này Phạm chí, như vậy chư Thiên và Nhân loại nếu sống bằng phi pháp và làm điều dữ, tất không được ích lợi, tất phải khổ nhọc. Nếu chư Thiên và Nhân loại sống đúng như pháp, không làm điều dữ, tất được ích lợi, tất được hoan lạc.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-dàm, nên quán sát ác tri thức như thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Thế nào là quán sát ác tri thức như mặt trăng?”

Thế Tôn đáp:

“Như mặt trăng dần đến biến mất, càng ngày càng giảm, vành trăng cũng giảm, ánh sáng cũng giảm, hình sắc cũng giảm, càng lúc càng khuyết dần.

Này Phạm chí, rồi đến một lúc mặt trăng biến mất hẳn, không còn thấy nữa. Ngày xưa, người ác tri thức đối với Chánh pháp luật của Như Lai cũng có được tín tâm, nhưng người ấy được tín tâm rồi, về sau lại không hiếu thuận, cũng không cung kính, hành vi trái ngược, không vững chánh trí, không hướng đến pháp tùy pháp; người ấy bèn mất tín tâm, mất trì giới, báu văn, thí, xả, và trí tuệ cũng mất luôn.

Này Phạm chí, cho đến lúc thiện pháp nơi ác tri thức ấy hoàn toàn tiêu diệt, cũng như mặt trăng mất hút. Ngày xưa, như vậy hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-dàm, nên quán sát thiện tri thức như thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Này Phạm chí, hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng.”

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-dàm, thế nào là quán sát thiện tri thức như mặt trăng?”

Thế Tôn đáp:

“Này Phạm chí, cũng như mặt trăng trong thời mới mọc, còn non, trong vắt, càng ngày càng tăng trưởng. Ngày xưa, cho đến một lúc, vào ngày mười lăm trong tháng, vành trăng tròn đầy. Ngày xưa, cũng vậy, thiện tri thức đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín

tâm, người ấy được tín tâm rồi, sau đó lại có hiếu thuận, cung kính, hành vi tùy thuận, vững vàng trên chánh trí, hướng đến pháp tùy pháp. Người ấy lúc bấy giờ tăng trưởng tín, trì giới, bác văn, thí xả, trí tuệ cũng tăng trưởng. Nay Phạm chí, cho đến một lúc, thiện pháp nơi thiện tri thức ấy được trọn đủ như mặt trăng ngày rằm vậy. Nay Phạm chí, như vậy hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng."

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng này:

*Như thể trăng tròn không bợn,
Du hành trong khoảng hư không;
Sáng lấp muôn ngàn tinh đầu,
Rạng ngồi một cõi mênh mông.

Cũng vậy, tín tâm, bác văn,
Thi ân, độ lượng, bao dung;
Sáng lấp tràn gian bốn sển,
Rạng ngồi thí xả mênh mông.

Như thể đại long thần lực,
Kéo mây, nổi sóng, điện giăng,
Mưa đổ nước trào lai láng,
Tràn đầy mặt đất mênh mông.

Cũng vậy, tín tâm, bác văn,
Thi ân, độ lượng, bao dung,
Ẩm thực cho người no đủ,
Hằng khuyên thí xả gia tăng.

Như thể sấm truyền vang dội,
Như trời hắt trận mưa rào;
Phước thí như mưa quảng đại,
Cơn mưa thí chủ dâng cao.

Đời này tiền tài, danh dự,
Đời sau cõi thiện sanh lên,
Phước báo người này lãnh tho,
Chết rồi tất sẽ sanh thiên.*

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



149. KINH HÀ DỤC¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn, sau giữa trưa thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Cù-dàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày.”

Đức Thế Tôn nói:

“Ông muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi.”

Phạm chí Sanh Văn hỏi rằng:

“Cù-dàm, người Sát-lợi ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập bằng cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Người Sát-lợi ước muốn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng gươm dao³, y cứ trên nhân dân⁴, lấy tự do làm mục đích.”

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

“Người Cư sĩ ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y

¹. Bản Hán, quyển 37. Tương đương Pāli: A.6. Khattiya. Tham chiếu, Hán, No.125 (37.8).

². Hán: *hà dục hà hành hà lập hà y hà ngạt* 何 欲 何 行 何 立 何 依 何 訖。Pāli: *kim-adhippayā kim-upavicārā kim-adhitṭhānā kim-abhinivesā kim-pariyosanā*, ham muốn gì, tâm niệm gì (cận hành), y cứ gì, tham vọng, cứu cánh gì?

³. *Sở lập đũi dao* 所 立 以 刀。Pāli: *balādhitṭhānā*, chấp cứ sức mạnh. Có lẽ bản Hán chép nhầm *đao* 刀 thay vì *lực* 力。

⁴. *Y ư nhân dân* 依 於 人 民。Pāli: *pathavibhinivesā*, tham vọng cõi đất (chinh phục).

cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Người Cư sĩ ước muốn được tài vật. Thực hành nơi trí tuệ. Thiết lập bằng kỹ thuật. Y cứ trên nghề nghiệp. Lấy sự cứu cánh của nghề nghiệp làm mục đích”.

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

“Cù-dàm, đàn bà ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Đàn bà ước muốn được đàn ông. Thực hành sự trang điểm. Thiết lập bằng con cái. Y cứ trên sự không đối thủ⁵. Lấy tự do làm mục đích.”

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

“Cù-dàm, trộm cướp ước muốn cái gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Trộm cướp ước muốn lấy của không cho. Thực hành nơi chỗ lén lút. Thiết lập bằng gươm dao. Y cứ nơi bóng tối. Lấy sự không bị khám phá làm mục đích”.

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

“Cù-dàm, người Phạm chí ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Người Phạm chí ước muốn được tài vật. Thực hành nơi trí tuệ. Thiết lập bằng kinh thơ⁶. Y cứ trên trai giới⁷. Lấy Phạm thiên làm mục đích.”

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

“Sa-môn ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Sa-môn ước muốn được chân lý⁸, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập

⁵. Vô đối 無 對。 Pāli: asapatti, không vợ nhở của chồng.

⁶. Pāli: mantadhiṭṭhāna, chấp chú thuật.

⁷. Hán: trai giới 齋 戒, cần hiểu là trai tự hay tế tự. Pāli: yaññābhinivesā.

⁸. Hán: chân dế 真 諦。 Pāli: khantiśoraccādhippayā, nhẫn nhục và nhu hòa.

bằng giới, y cứ trên vô xứ⁹, lấy Niết-bàn làm mục đích.”

Phạm chí Sanh Văn bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Uu-bà-tắc, kể từ hôm nay con trọn đời tự quy y cho đến lúc mạng tận.”

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

□

^{9.} Pāli: ākiñcanābhinivesā, vô sở hữu, không có gì.

150. KINH UẤT-SẤU-CA-LA¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trú trong Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Phạm chí Uất-sấu-ca-la², sau giữa trưa, thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên, bạch rằng:

“Thưa Cù-dàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày.”

Thế Tôn nói:

“Hãy cứ tùy ý mà hỏi.”

Phạm chí Uất-sấu-ca-la bèn hỏi rằng:

“Thưa Cù-dàm, Phạm chí thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại phung sự cho Phạm chí, loại phung sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ³, cho Công sư⁴.

“Này Cù-dàm, Phạm chí thiết lập loại phung sự cho Phạm chí, tức là Phạm chí phải phung sự Phạm chí; Sát-lợi, Cư sĩ và Công sư cũng phải phung sự Phạm chí. Ngày Cù-dàm, bốn chủng tánh này phải phung sự Phạm chí.

“Này Cù-dàm, Phạm chí thiết lập loại phung sự cho Sát-lợi tức là Sát-lợi phải phung sự cho Sát-lợi; Cư sĩ và Công sư cũng phải phung sự cho Sát-lợi. Ngày Cù-dàm, ba chủng tánh này phải phung sự Sát-lợi.

¹. Tương đương Pāli: M. 96. Esukārisuttam.

². Uất-sấu-ca-la 鬱 瘦 歌 遷: Pāli: Esukāri.

³. Cư sĩ 居 士: Pāli: Vessa (Phệ-xá), giai cấp thứ dân. Nơi khác, từ Cư sĩ đồng nhất với Pāli: gahapati, gia chủ, hay trưởng già.

⁴. Công sư 工 師: Pāli: Sudda (Thủ-đà-la), cùng định hay nô lệ.

“Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Cư sĩ, tức là Cư sĩ phải phụng sự Cư sĩ, Công sư cũng phải phụng sự Cư sĩ. Ngày Cù-đàm, hai chủng tánh này phải phụng sự cho Cư sĩ.

“Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Công sư, tức là Công sư phải phụng sự Công sư. Ai thấp hèn hơn nữa để được chủ trương phải phụng sự Công sư? Duy chỉ có Công sư phụng sự Công sư.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Phạm chí, các Phạm chí có tự mình biết rõ⁵ khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh này; thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư?”

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

“Không biết rõ, Cù-đàm. Nhưng các Phạm chí tự nói như vậy, ‘Ta ở trong đời này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi, thiết lập loại phụng sự cho Cư sĩ, thiết lập loại phụng sự cho Công sư’.”

Thế Tôn nói:

“Này Phạm chí, cũng như một người đưa cho người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng ‘Này ông bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho tôi’. Ngày Phạm chí, người nói cho các Phạm chí ấy cũng giống như vậy. Vì sao? Vì Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Phạm chí, thế nào là phụng sự? Có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà chỉ có hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng? Có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng?

“Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng?

⁵. Hán: *tự tri* 自 知 , ở đây nên hiểu là “được đồng ý” theo nghĩa được thí dụ dưới. Pāli: *kim pana... sabbo loko... etad abhanujānāti*, có phải tất cả thế gian đều đồng ý điều này?

“Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng?”

“Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng?”

“Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng?”

Uất-sấu-ca-la đáp:

“Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

“Nếu tôi phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên theo loại phụng sự này.

“Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

“Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.”

Thế Tôn nói:

“Này Phạm chí, nếu lại có một Phạm chí đến đây, người ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, rồi Ta hỏi Phạm chí ấy rằng: ‘Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự, do loại phụng sự ấy mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng? Nếu có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng? Ngày Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí, do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chăng? Ngày Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ

không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chăng?”

“Này Phạm chí, nếu người Phạm chí ấy không phải ngu, không phải si, không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, trả lời Ta rằng: ‘Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.’

‘Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

‘Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy’.”

Rồi Thế Tôn lại hỏi:

“Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, văn, thí xá và tuệ. Loại phụng sự này chăng? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bát văn, thí xá và trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Ngày Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bát văn, thí xá, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bát văn, thí xá, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Ngày Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bát văn, thí xá⁶, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bát văn, thí xá, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng?”

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

“Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bát văn, thí xá, trí tuệ, tôi không nên phụng sự như vậy.

“Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới,

⁶. Nguyên Hán: thứ cơ 庶幾, chỉ sự rộng lượng, hay cho người khác.

bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi không nên phụng sự như vậy.

“Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi không nên phụng sự như vậy. Ngày Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi nên phụng sự như vậy.”

Thế Tôn nói:

“Này Phạm chí, nếu có một Phạm chí đến đây, người ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại và Ta hỏi Phạm chí ấy rằng, ‘Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng?’

‘Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng?’

‘Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng? Nếu phụng sự Phạm chí và sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng?’

‘Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chăng?’

“Này Phạm chí, nếu Phạm chí này không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, tất cũng sẽ trả lời Ta như vậy, rằng: ‘Này Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi nên phụng sự như vậy. Ngày Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi không nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi không nên phụng sự như vậy. Ngày Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ,

Công sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xá, trí tuệ; tôi nên phụng sự như vậy’.”

Phạm chí Uất-sáu-ca-la bạch rằng:

“Phạm chí thiết lập bốn loại tài vật tự hữu⁷ cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi, Cư sĩ, Công sự.

“Này Cù-dàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí là, này Cù-dàm, Phạm chí chủ trương rằng, tài vật tự hữu của Phạm chí do khất cầu⁸. Nếu Phạm chí khinh mạn sự khất cầu, tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò không thể trông chừng bò, tức là thất lợi. Cũng vậy, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Phạm chí là do khất cầu. Nếu Phạm chí khinh mạn sự khất cầu tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.

“Này Cù-dàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi là, này Cù-dàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Sát-lợi là cung tên. Nếu Sát-lợi khinh mạn cung tên tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Nếu khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò mà không thể trông chừng được bò, tức là thất lợi. Cũng vậy, này Cù-dàm, Phạm chí chủ trương tài vật của Sát-lợi là cung tên, nếu Sát-lợi khinh mạn cung tên tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.

“Này Cù-dàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự hữu cho Cư sĩ là, này Cù-dàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Cư sĩ là nông nghiệp⁹. Nếu Cư sĩ khinh mạn nông nghiệp tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò mà không thể trông chừng được bò tức là thất lợi. Cũng vậy, này Cù-dàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Cư sĩ là nông nghiệp. Nếu Cư sĩ khinh mạn nông nghiệp tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.

“Này Cù-dàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự hữu cho Công sự

⁷. Pāli: sandhana, tài sản, hay tư hữu.

⁸. Pāli: bhikkhacāriya, sự khất thực.

⁹. Hán: điền tác 田 作。Pāli: kasigorakkha, cày ruộng và nuôi bò.

là, này Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Công sư là gai¹⁰. Nếu Công sư khinh mạn gai tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò mà không thể trông chừng bò được, tức là thất lợi. Cũng vậy, này Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự hữu của Công sư là gai. Nếu Công sư khinh mạn gai tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Phạm chí, các Phạm chí có tự biết rõ¹¹ khi thiết lập bốn loại tài vật tự hữu cho bốn chủng tánh, nghĩa là thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư chăng?”

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp rằng:

“Không tự biết rõ, bạch Cù-đàm, nhưng các Phạm chí tự nói rằng ‘Ta ở trong đời này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết lập loại tài vật tự hữu cho bốn chủng tánh tức là thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư.’”

Thế Tôn nói rằng:

“Này Phạm chí, cũng như một người đưa cho một người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng ‘Này ông bạn, hãy ăn và hãy trả tiền cho tôi. Ngày Phạm chí, người nói cho các Phạm chí cũng giống như vậy’. Vì sao? Vì các Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại tài vật tự hữu cho bốn chủng tánh tức thiết lập loại tài vật tự hữu cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư.

“Nhưng, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tĩnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.”

Rồi Thế Tôn lại hỏi:

“Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Có trường hợp nào mà hú không này chỉ là sự không dính trước, không trói buộc, không xúc

¹⁰. Hán: ma 麻。 Bản Pāli: asitabyābhāṅgi, lưỡi liếm và đòn gánh.

¹¹. Xem cht.5 trên.

chạm, không ngăn ngại đối với Phạm chí mà thôi, chứ không đối với Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư?”

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

“Này Cù-dàm, hư không này vốn không dính trước, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Phạm chí, đối với Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy.”

“Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Có trường hợp nào chỉ riêng Phạm chí mới có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tranh; còn Sát-lợi, Cư sĩ và Công sư thì không thể chăng?”

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

“Cù-dàm, Phạm chí có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tranh. Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư cũng vậy.”

“Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập loại tài vật tự hữu hco mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao, nếu những người thuộc trong chủng tánh khác nhau¹² cùng đến đây và giả sử có một người nói với những người ấy rằng, ‘Các ngươi hãy đến đây, nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ấy mới có thể mang bột tắm¹³ đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho sạch sẽ’. Ngày Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ có những người thuộc chủng tộc Sát-lợi hay Phạm chí mới có thể mang bột tắm đi tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho sạch sẽ và những người thuộc chủng tộc Cư sĩ hay không Công sư không thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ chăng? Hay tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau đều có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ?”

^{12.} Nguyên Hán: *bách chủng nhân* 百 種 人。

^{13.} Nguyên Hán: *tháo đậu* 澡 豆。

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

“Cù-đàm, tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ.”

“Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Nếu những người trong trăm chủng tộc khác nhau cùng đến đây và giả sử có một người nói với họ rằng, ‘Các ngươi hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, thì những người ấy mới có thể dùng cây chiên-dàn và sa-la thật khô làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy’. Ngày nay Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, những người này mới có thể dùng cây chiên-dàn và sa-la thật khô làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy? Còn những người thuộc chủng tộc Cư sĩ hay Công sư phải lấy ván máng heo, máng chó khô, cây Y-lan-dàn và các thứ gỗ xấu khác để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy? Hay tất cả những người trong chủng tộc khác đều có thể dùng bất cứ loại cây nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy?”

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp rằng:

“Cù-đàm, tất cả những người trong chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy.”

“Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập loại tài vật tự hữu cho mọi người. Đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Phạm chí, những người trong chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy. Tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào công việc lửa. Có trường hợp nào chỉ độc nhất loại này mới có ngọn, có màu sắc, có sức

nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào công việc lửa? Hay chỉ độc nhất loại lửa kia không có ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thể dùng vào việc lửa? Hay tất cả thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có ánh sáng, có thể dùng vào việc lửa?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp rằng:

"Cù-dàm, những người trong trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy. Tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào việc lửa. Nếu nói độc nhất chỉ có loại lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và có thể dùng vào việc lửa, trường hợp này không thể có. Và nếu nói rằng độc nhất loại lửa kia không có ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thể dùng vào việc lửa, trường hợp này cũng không thể có."

Nhưng tất cả thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và đều có thể dùng vào việc lửa."

"Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người. Đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Phạm chí, ý ngươi nghĩ sao? Nếu những người trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy, và giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô bỏ vào trong lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói. Có trường hợp nào mà ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa này khác với ngọn, với màu sắc, sức nóng và khói của lửa kia khác nhau chăng?"

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

"Cù-dàm, nếu những người trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy, và giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô bỏ vào trong lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói, thì tôi đối với ngọn, với màu sắc, sức nóng và khói của lửa kia không cho rằng có sự khác nhau."

Thế Tôn nói:

“Cũng vậy, lửa mà Ta đạt được, sự không phóng dật mà Ta đạt được có khả năng đốt cháy sự phóng dật và mạn cống cao. Ta đối với lửa này hay lửa kia, không hề chủ trương có sự sai biệt.”

Phạm chí Uất-sấu-ca-la bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thê, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Uưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay, trọn đời quy y cho đến mạng tận.”

Phật thuyết như vậy. Phạm chí Uất-sấu-ca-la sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có một số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này:

“Đòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Đồng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-dàm nói, bốn chủng tánh thấy đều thanh tịnh, với sự giảng giải, hiển thị.”

Những vị ấy nghĩ như thế này:

“Này chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-dàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn?”

Họ lại nghĩ như thế này:

“A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap² được cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không có tiếng xấu, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển³, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hí truyện thứ năm, cũ

¹: Tương đương Pāli M.93 Assalāyana-sutta. Hán, biệt dịch No.71 Phạm Chí An-ba-la-diên Văn Chủng Tôn Kinh, Đông Tấn, Trúc Đàm-vô-lan dịch.

²: A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap 阿攝懇 邏延加那摩納。Pāli: Āssalāyana-mānava. Bản Pāli xác định: mới 16 tuổi thôi. No.71: khoảng 15 hay 16 tuổi.

³: Tứ điển kinh, chỉ bốn bộ Vệ-đà.

thuyết⁴. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-dàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn. Nay chư Hiền, hãy đến A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap để nói sự kiện này. Tùy theo những gì A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap nói, chúng ta sẽ ghi nhận.”

Rồi số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la đi đến chỗ A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap cùng chào hỏi rồi ngồi qua một bên và nói rằng:

“Này Ma-nap, chúng tôi một số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này, ‘Đòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Đồng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-dàm nói: bốn chủng tánh thấy đều thanh tịnh, với sự giảng giải, hiển thị’. Những vị ấy nghĩ như thế này, ‘Này chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-dàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn?’ Họ lại nghĩ như thế này, ‘A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap được cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không có tiếng xấu, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hí truyện ngũ, cú thuyết. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-dàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn’.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap nói với các Phạm chí rằng:

“Này chư Hiền, Sa-môn Cù-dàm đúng như pháp mà thuyết pháp. Nếu đúng như pháp mà thuyết pháp thì không thể cật vấn.”

Số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nói rằng:

“Này Ma-nap, người chưa bị khuất phục thì chưa thể tự mình chịu khuất phục trước. Vì sao? Vì A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap do cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm các việc ác, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn bộ kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh

⁴- Nhân duyên, chánh văn, hí ngũ, cú thuyết. Theo Pāli: nighandu (từ vựng), ketubha (lễ nghi), ākkharappabheda (ngữ nguyên), itihāsa (hí truyện), padakoveyyakarana (cú thuyết, văn phạm).

văn, hí truyện ngũ, cú thuyết. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-dàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap bèn im lặng nhận lời số đông Phạm chí ở Câu-tát-la.

Rồi A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap cùng với số đông Phạm chí ở Câu-tát-la đến chô Phật, cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng:

“Bạch Cù-dàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho chăng?”

Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này Ma-nap, hãy tùy ý mà hỏi.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap hỏi rằng:

“Thưa Cù-dàm, các Phạm chí nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’. Nhưng chưa biết Sa-môn Cù-dàm sẽ nói như thế nào?”

Đức Thế Tôn nói rằng:

“Nay Ta hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

“Này Ma-nap, ngươi có nghe nói ở nước Dư-ni⁵ và Kiếm-phù⁶ chỉ có hai chủng tính là chủ nhân và đầy tớ; sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ lại trở thành chủ nhân chăng?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap đáp rằng:

“Bạch Cù-dàm, con nghe tại hai nước Dư-ni và Kiếm-phù có hai chủng tính, chủ nhân và đầy tớ; chủ nhân làm đầy tớ, đầy tớ làm chủ nhân.”

“Như vậy, này Ma-nap, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

⁵. Dư-ni 餘 尼 ; Pāli: Yoni, tên một nước ở Tây bắc Ấn-độ.

⁶. Kiếm-phù 劍 浮 ; Pāli: Kamboja, tên nước, thuộc địa phương A-phú-hᾶn ngày nay.

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap bạch rằng:

“Bạch Cù-dàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nap, ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ độc nhất có Phạm chí đối với hу không này mà không bị dính, không bị trói, không bị xúc chạm, không bị ngăn ngại; còn Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy sao?”⁷

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap đáp rằng:

“Bạch Cù-dàm, Phạm chí đối với hу không này không bị dính, không bị trói, không bị xúc chạm, không bị ngăn ngại; Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy.”

“Như vậy, này Ma-nap, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap bạch rằng:

“Bạch Cù-dàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nap, ý ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ có Phạm chí mới có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tránh? Còn Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap đáp rằng:

“Bạch Cù-dàm, Phạm chí có thể hành từ tâm, không kết, không

⁷. Xem kinh số 150 trên.

oán, không nhuế, không tránh. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng như vậy.”

“Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu có những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đến, và có người nói với họ rằng, ‘Các ngươi hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước mà tắm, tắm rửa thật sạch cầu bẩn’. Ngày Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Chỉ những người trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước tắm rửa cho thật sạch các cầu bẩn chăng? Hay những người trong chủng tộc Cư sĩ, chúng tộc Công sư, những người này không thể mang bột tắm đến nước mà tắm rửa cho thật sạch các cầu bẩn? Hay tất cả mọi người trong một trăm chủng tộc khác nhau vẫn có thể mang đậu tắm đến nước mà tắm rửa thật sạch các cầu bẩn?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, tất cả mọi người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang đậu tắm đến nước mà tắm rửa thật sạch các cầu bẩn.

“Như vậy, ngày Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú

với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng; ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nap, ý ngươi nghĩ sao? Nếu có người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đến, và có người nói với họ rằng, ‘Các người hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, chỉ những người ấy mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiên-dàn làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho lửa phát ra và cháy lớn lên’. Ngày Ma-nap, ý ngươi nghĩ sao? Chỉ những người trong chủng tộc Sát-lợi và chủng tộc Phạm chí, những người này mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiên-dàn làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên chăng? Hay những người trong chủng tộc Cư sĩ, chủng tộc Công sư, những người này cũng sẽ dùng nhánh sa-la rất khô, hay gỗ chiên-dàn làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên? Hay những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại gì mà làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap đáp rằng:

“Bạch Cù-dàm, tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên.”

“Như vậy, ngày Ma-nap, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap bạch rằng:

“Bạch Cù-dàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nap, ý ông nghĩ sao? Nếu những người trong một trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm mồi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên, phải chăng tất cả lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại? Hay chỉ độc nhất thứ lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại? Hay độc nhất thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng, không thể dùng vào các công việc do lửa đem lại? Hay tất cả thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, nếu những người trong một trăm chủng tộc khác nhau ấy đều dùng bất cứ loại cây nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho lửa phát ra và cháy lớn lên. Tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại. Nếu độc nhất chỉ thứ lửa kia có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào công việc của lửa, trường hợp này không thể có. Nếu độc nhất chỉ có thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng và không thể dùng vào các công việc của lửa, cũng không có trường hợp đó. Bạch Cù-đàm, nhưng tất cả những thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại.”

“Như vậy, này Ma-nap, nếu Phạm chí có thú hướng chân chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nap bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”